

DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 11

(Bản Luận 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44)

BẢN LUẬN 37

“Tiếp theo thuyết minh phẩm Uy lực”, trước đã thuyết minh Cảnh của Chân thật trí chứng, đã có Sở chứng, thì không thể hư rộng, mà là thành thực hữu tình, hiện đại thần biến, khiến cho sinh Tín tâm, khiến cho đắc Thánh quả. Nếu hàng Bồ-tát vì Tự lợi lợi tha mà hiện đại thần thông, tu hành Chánh hạnh, thì tâm sẽ chứng quả. Nếu chư Mâu-ni chứng tự Phật sự mà khởi tâm Đại bi, vận chuyển cứu độ hữu tình mà hiện đại Uy lực này, thì gọi là phẩm Uy lực, do đó thuyết minh sau phẩm Chân thật nghĩa. Lại nữa, sư Viễn nói: “Tại sao nói tiếp theo thuyết minh? Là do nương vào Thật nghĩa, diệu dụng tự tại, cho nên nói tiếp theo thuyết minh”. Trong năm phẩm và bảy pháp, ba phẩm trước đã nói xong, tiếp theo phân tích phẩm thứ tư, cho nên gọi là phẩm Uy lực, kinh Địa Trì chỉ gọi là Lực phẩm.

Luận ghi: “Ba là Câu sinh uy lực, chư Phật chỉ có Thành thực phương tiện thiện, không thành thực Sinh đắc thiện, vì Sinh đắc thiện chỉ có Hữu lậu, Bồ-tát thì có thông cả hai loại”. Luận này nói Câu sinh uy lực, tức là Phương tiện thiện, đời trước đã từng tu tập, đời này cùng với thân câu sinh, gọi là Câu sinh Uy lực, không phải gọi là Sinh đắc thiện mà gọi là Câu sinh uy lực.

Luận: Trong giải thích khai mở Uy lực pháp loại có năm thứ sai biệt, Cự luận ghi: “Tức là ba uy lực trước có tám thứ, phân biệt có năm thứ”, điều này không đúng, phẩm loại trước đó tại sao gọi là tám thứ Phân biệt? Là nghĩa Lục thông đó như thường phân biệt.

Luận ghi: “Thế nào có thể biến Thần cảnh trí thông”? Thần cảnh trí thông này là Cảnh bị biến hoá. Tại sao trong đây nói có thể biến Thần cảnh trí thông? Vì có thể biến hóa làm Cảnh này, Cảnh từ Kiến mà nói thì gọi là Năng biến. Lại nữa, tuy nêu ra Sở biến là có ý hiển

thần thông, cho nên gọi là Năng biến, Năng biến thì thuộc Trí. Nêu ra Sở biến là có ý nói Dụng của Năng biến.

Luận: Trong giải thích mười tám Biến, thứ năm là Chuyển biến, nói: “Nếu tại Địa đố mà khởi Thủy thăng giải, tức là khiến cho thành thủy như thật, không phải pháp nào khác...”, là như chư Phật có thần thông, nhưng không thể chuyển năm Căn trần v.v... khiến cho thành Chân căn có thể thấy Sắc... vì tương tợ năm căn kia mà không phải thật năm căn. Địa, Thủy... tuy là xứ ngoài, nhưng Thể mỗi mỗi đều có khác. Như thế nào biến thủy thành hỏa? Chỉ có thể thủy chất diệt hỏa chất mà sinh riêng, trong đó có thể làm Dụng của Biến, chính vì uy lực của Phật mà khiến cho trong hỏa cũng có tánh ướt, nhưng vì tánh ướt tức là Thể của hỏa. Nếu chuyển đổi tánh thành tánh, là chuyển Vô tình thành Hữu tánh, tức là chúng sinh giới có tăng thêm và mất đi, cho nên không thể chuyển tánh. trong đây lại cũng chuyển đặc năm Trần.

Luận ghi: “Sắc hương vị xúc, phải biết là cũng như vậy”, do đó mà biết Thông biến năm Trần thành thật dụng của nó. Sau đến Quyết Trạch sẽ riêng giải thích.

Luận ghi: “Phạm tiên ích thiên”, là vì Đại phạm thiên trước tiên, cho nên gọi là Phạm tiên thiên. Tại sao gọi là Ích?

Luận: Trong giải thích chế thần thông của người khác, “Cứu cánh Bồ-tát một đời Sở hệ, hoặc tối hậu có tất cả thần thông”, là trụ Đổ-sử-đa thiên chỉ có đời này đời kia, hết một đời này thì gọi là Nhất sinh bồ xứ. “Hoặc tối hậu thân”, là đã sinh cõi Dục, tức là thân này thành đạo, thân này làm thân có sinh tử sau cùng, gọi là Tối hậu thân. “Lại nữa, Nhân tức là giải thích Bồ-tát ngồi đạo tràng”, là ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, chưa được thành đạo đến nay, gọi là ngồi đạo tràng, cho nên là ba phẩm trước.

Luận ghi: “Có thể hóa thành thân, hoặc hóa ra cảnh...”, chỉ giải thích là Năng biến.

Luận ghi: “Lại nữa, chỗ hóa thân, hoặc tự hoặc tha, hoặc tương tợ hoặc không tương tợ, chỉ có thể biến hóa tạo tác cùng với căn, tợ Sở y xứ của căn mà không phải thật căn”, vì dụng của căn không thể biến hóa tạo tác, vì chúng sinh giới có lỗi Tăng ích, cho nên không thể tợ Dụng, căn Sở y xứ của nó tức là bốn Trần hoặc năm Trần ở nội ngoại giới, cho nên có thể biến hóa được tương tợ.

Luận ghi: “Nếu chỗ hóa thân cùng với thân Bồ-tát rất tương tợ thì gọi là Sở hóa thân cùng với Tự căn tương tợ, nếu không như thế thì gọi là Sở hóa thân phi tương tợ”, vì Bồ-tát tự khởi biến hoá, cho nên Phật

hóa làm Bồ-tát thì cũng rất giống, gọi là Tự tương tự, không như thế thì không phải tương tự. Hoặc có chư Phật Bồ-tát tuy sau khi diệt độ, do sức trụ trì mà tùy chuyển, như Thích-ca Phật tuy đã diệt độ nhưng do sức trụ trì khiến cho pháp đến hiện tại tùy chuyển theo. Hoặc có tạm thời làm lợi ích xong rồi thì sự hóa độ liền thôi, như Tu-phiến-đa, sau khi thành đạo bảy ngày, liền nhập Niết-bàn, pháp cũng tùy diệt, vì không có sức trụ trì, sau đó không được lưu bố, cho nên Hóa sự cũng thôi.

Luận: Trong giải thích Hóa ngữ, nói: “Như âm thanh của Tần-ca”, cho đến “không có Sở y và vô tận”.

Luận ghi: “Lại nữa, có thể tùy niệm Vô gián, sát-na thứ tự và Sở tác không gián đoạn”, là Phật Bồ-tát có thể nhớ được sát-na trước, pháp của sát-na trước, tận vô thỉ đến nay, tất cả có thể biết rõ, trong khoảng một sát-na có thể biết như vậy. Chính Tiểu thừa cho rằng: “Phật vì Sơ trụ trí không thể biết hai sát-na trước, nếu khi duyên sát-na thì sát-na vô lượng, cho nên chưa duyên được, năm ngày, sáu ngày, mười ngày cho đến già chết, cũng không có nghĩa duyên sát-na”. Hiện tại Đại thừa Phật Bồ-tát thì đều được.

Luận: Trong giải thích Thiên nhĩ thông nghe âm thanh, nói: “Có Tác ý và Bất tác ý”, đây là căn cứ theo Địa thứ tám Bồ-tát trở lại, hoặc Phật và Địa thứ tám trở lên là Bất tác ý vị, duyên vô lượng sự của thế giới.

Luận ghi: “Đạt-la-nhị-trà chú”, là nước Tăng-già-la, tức là nước Sư tử, có chú thuật tên là Đạt-la-nhị-trà, tức là Đại minh chú trong chú thuật, rất có thần nghiệm, ở đây chỉ nêu sơ lược. “Trong Sắc sở kiến của Thiên nhãn, lại có Tác ý và Bất tác ý”, giải thích như âm thanh.

Luận: Trong giải thích Lưu tận trí thông, nói: “Liễu tri lậu tận đắc”, tức là Vô lậu đắc, là đắc các Đắc của Lưu tận. “Liễu tri lậu tận phương tiện”, tức là Đạo đế.

Luận: Trong giải thích bốn tướng của sáu Độ và tướng thứ tư của Nhãn độ, nói: “Không có nhiều kẻ oán địch là Oán tắng hội, không có nhiều ly cách là Ái biệt ly, không có nhiều khổ là do chỗ sinh ưu khổ của Oán hội thân ly (người oán thì gặp, người thân thì lia)”, là Cựu luận ghi: “Đã không có Biệt ly cũng không có Ưu khổ”, vì chỉ đối với Ái ly sinh mà trở thành Oán hội thân ly. Luận này thì phân làm ba loại.

Bốn tướng của Định, trong tướng thứ nhất, nói: “Có thể đoạn phiền não, ngữ ngôn, Tâm tứ, Hỷ lạc, Sắc tưởng”, tức là Sơ thiền đoạn Dục phiền não, Nhị thiền lià Tâm tứ ngữ ngôn, Tam thiền Tứ thiền và Tứ vô sắc định, thì như thứ tự của nó mà lià Hỷ lạc...

Luận: Trong giải thích tướng của sáu Độ, thứ nhất Bồ thí ghi: “Có thể lấy Bồ thí nhiếp các sự, để nhiếp lợi ích hữu tình. Trong Độ thứ sáu lấy chung bốn Nhiếp để nhiếp các Sự hạnh, trong bốn Độ còn lại đều lấy Đồng sự để nhiếp”, lợi ích hữu tình tức là sáu Độ nhiếp bốn Nhiếp, tại sao trong Bồ thí không nói khuyến khích hữu tình tu hành? Vì bồ thí cho tự mình đã đồng với hữu tình, cho nên gọi là Đồng sự, cũng gọi là Lợi hành. Hiện tại lại phỏng theo Tăng ích, cho nên chỉ nói Bồ thí này, không phải phỏng theo Thật nghĩa. Thật nghĩa đó, đâu có hại gì trong mỗi mỗi Lợi hành... đã có được?

Luận: Trong giải thích Câu sinh uy lực, thuyết minh tám tướng thành Đạo, tám tướng của Cự luận:

1. Trụ Đĩ-sử-đa thiên.
2. Nhập xuống thai mẹ.
3. Trụ trong bụng mẹ.
4. Ra khỏi thai mẹ.
5. Xuất gia.
6. Thành đạo.
7. Chuyển pháp luân.
8. Bát Niết-bàn.

Y theo Địa trì kinh của Cự luận thì không có tướng xuất gia và nhập Niết-bàn, hiện tại luận này thì y theo Cự luận giải thích, không có tướng xuất gia, có bảy tướng còn lại, y theo văn mà nắm lấy. Lại nữa, hoặc giải thích lấy Thần biến làm một, tức là không có xuất gia, trong đây cũng có đủ tám tướng. Hoặc riêng nói tám tướng, Trụ thiên là không đúng với kinh điển, Sinh thân xuống thì ở đây không chấp nhận.

1. Ở trong thân Trung hữu, tức là sinh xuống.
2. Nhập thai.
3. Trụ thai.
4. Xuất thai.
5. xuất gia.
6. Thành đạo,
7. Chuyển pháp luân.
8. Nhập Niết-bàn.

Hiện tại luận này không có tướng xuất gia, không lấy ở trong Dục, vì đã ở trong tám tướng.

Luận: Trong giải thích Bồ-tát trụ thiên thứ nhất, nói: Có ba loại Sự phản ánh Thiên kia:

1. Thiên thọ lượng, là thọ mạng của Thiên kia không dựa vào số

lượng, vì có bị chết yếu, đây là thuyết minh Bồ-tát đã hết thọ lượng của cõi Thiên, thọ bốn ngàn tuổi, tiếp theo luận trên nói “rồi trụ cho đến hết thọ lượng của cõi Đổ-sử-đa”. Có người cho rằng: “Sinh lên các cõi Thiên kia đều hết thọ lượng bốn ngàn tuổi”, là không đúng vì văn nắn nại mà lý cũng ngăn nại. Nói văn ngăn nại, luận ghi: “Có ba sự phản ánh chư Thiên kia: Thiên thọ lượng, là Thiên kia đều tận thọ lượng thì Bồ-tát liền không đoạt mất thọ lượng của Thiên kia”, đoạn văn này có trái nhau, cho nên làm văn ngăn nại. Nói lý ngăn nại, trong kinh ghi: “Bồ-tát hạ sinh thì Thiên cũng theo hạ sinh Thiệm-bộ. “Có chúng sinh này mới sinh nơi kia”, là Bồ-tát khi hạ sinh chưa đầy bốn ngàn tuổi, đáng lẽ không sinh theo, nếu không sinh theo thì kinh Phật kia trái nhau, nếu nói tùy theo nhau mà hạ sinh thì đó là trùng yếu, đây là lý ngăn nại thứ hai, cho nên nghĩa không thành. Lại nữa, duyên gì mà Thiên kia không bị chết yếu?

2. Thiên sắc, là thân lượng và sắc quang minh của chư Thiên, Bồ-tát thì thù thắng hơn.

3. Danh xưng, là tiếng tăm của Bồ-tát khắp mười phương cõi, cho nên danh xưng thù thắng.

Luận: Trong giải thích Chuyển pháp luân, thuyết minh đã chứng Bồ-đề trong sáu năm, mà tìm cách nhưng rốt cuộc không thể được thường cùng với hạnh niệm mỗi mỗi hiện tiền, cho đến không có gì mà không biết rõ”, là Thế Tôn thường quán Thọ tướng tâm tư của thân mình, hiện tại không có dị niệm, thường quán Vô thường, Sinh, Trụ, Di, cùng với niệm này đồng thời, mà không tìm được dịp, như Địa trì kinh trong Cựu luận ghi: “Quán Sinh trụ dị của các chúng sinh”, luận này nói rằng quán tự thân, vì quán tự thân cho nên ma không tìm được dịp, lẽ nào vì quán người khác mà không tìm được dịp? Lại nữa, hoặc có thể trong đây cũng là quán các chúng sinh, mà khởi niệm thương xót, vì tâm vận chuyển rộng, cho nên ma không tìm được dịp.

Luận ghi: “Trước giở chân phải mới di động chân trái”, câu này có ý gì?

Luận ghi: “Khi ăn, thức ăn thì tất cả hạt cơm đều nát, không có miệng nào mà không hết”, là nói Phật khi thọ thực, hạt cơm đều nát, không có miệng nào mà không tận. Lại nữa, Nhiếp luận nói: “Khi Phật thọ thực, chư Thiên được thỉnh, các xứ khác thì lợi ích chúng sinh, trong luận này nói, “nát” là căn cứ theo Hữu mà có nghĩa “nát”, thật ra Hóa thân thị hiện thân, lấy Phật sự làm chánh.

Luận ghi: “Ba chủng Thần biến: một là Thần cảnh thân biến...”,

đây tức là sáu thần thông, nói cũng nhiếp ba thông này, ba thông còn lại nói đủ như Đối Pháp sao. Lại nữa, thuyết minh Đẳng thân biến làm bốn câu, cũng như Đối Pháp sao kia nói.

PHẨM THÀNH THỰC

Tức là phẩm thứ tư trong năm phẩm, trong bảy pháp thì đó là pháp thứ năm và pháp thứ sáu, tức là pháp thành thực hữu tình và thành thực Phật pháp của tự mình. Tại sao tiếp theo thuyết minh phẩm này? Vì hiện chứng chân thật và hiện có uy lực. Uy lực là gì? Là sáu thần thông... Đã hiện có sáu thần thông thì muốn làm gì? Chẳng qua có hai ý:

1. Thành thực hữu tình, là ý Lợi tha.
2. Thành thực Phật pháp, là ý Tự lợi.

Phật tuy có đủ đức Tự tha lợi, nhưng quán chúng sinh giới vô tận, cần phải có hai ý này, cho nên sau phẩm Uy lực thì thuyết minh phẩm Thành thực.

Luận: Trong giải thích Thành thực tự tánh, nói: “An trụ đối với tự tánh này, nếu gặp đại sư thì chảnh qua đại sư đều có khả năng đảm đương, có thể lực lớn, liên tục có thể chứng Phiền não chướng, đoạn Sở tri chướng”, là tự tánh trong Quyết Trạch phần, Bồ-tát làm thế nào biết được?

Luận ghi: “Liên tục có thể chứng hai Chương đoạn, cho nên biết vị này, nếu trước đoạn hai Chương thì không thể như vậy. Lại nữa, trong thí dụ ví như mụn ung nhọt chín muối, đến cuối cùng thì liên tục có thể phá vỡ, cho nên biết đến Địa tiền vị rồi thì đến Thực vị”, là tại Quyết Trạch phần vị. Nếu giải thích đã nhập Địa, tại sao tiếp theo Tiên xứ đạt được Năng thuận hai Chương đoạn tịnh tăng thượng thân tâm cho đến Chánh gia hạnh viên mãn? Đã có nói Năng thuận hai Chương đoạn và có Gia hạnh, cho nên biết ở tại Địa tiền không phải Địa thượng cũng đắc Chánh gia hạnh, tức là Địa thượng gia hạnh trí. Năng thuận hai Chương, là như Sơ địa, Năng thuận hai Địa chương đoạn tịnh tăng thượng thân tâm tại sao không đắc? Cho nên biết cũng đắc tại Địa thượng, nắm lấy giải thích trước thì không phương ngại.

Luận: Trong giải thích Thành thực sai biệt thứ ba, nói: “Các căn thành thực”, là thọ lượng đầy đủ, hình sắc đầy đủ, cho đến nhân tánh đầy đủ, như quyển trước giải thích.

Luận: Trong giải thích Thành thực phương tiện thứ tư, nói: “Sơ phát xứ”, là người Sơ phát tâm, đối với Xứ của người phát tâm kia mà thành thực, gọi là Thành thực phương tiện.

Luận ghi: “Hàng phục, là phòng hộ sâu xa thân tâm lìa nhiễm”, cho đến “liên tự phòng hộ không khởi hủy phạm”, trong đây có ý nói, sâu xa đề phòng lỗi của tự mình, mới có thể thấy thượng trung hạ của

người khác khi phạm giới, khởi can ngăn, khởi quở trách, khởi xua đuổi, như thứ tự đó, phải thấy biết hai phẩm hạ trung phạm giới. Khi khởi can ngăn quở trách, người bị can ngăn và người kia những khi khác giống như người đồng học pháp, được lợi ích an lạc. Vì ngăn dứt lỗi của người kia cho nên đó là lợi ích, vì trở lại nhiếp thọ cho nên đó là an lạc, nếu một loại người bị xua đuổi, hiện đuổi đi rồi mà nhiếp thọ trở lại, thì khiến cho người đó và những người khác đều được lợi ích an lạc, vì ngăn ác mà nhiếp thọ. Nếu đuổi đi rồi mà không nhiếp thọ trở lại, thì chỉ khiến cho những người khác thấy người kia tạo tội bị đuổi, trở lại tự phòng hộ, không khởi phạm giới mà được lợi ích an lạc, nếu người bị đuổi, thì không được lợi ích và ban cho sự an lạc, đó là ý trong đây. Trong thượng phẩm, người có thể nhiếp thọ, có nghĩa là không phải tất cả thượng phẩm phạm giới đều có thể nhiếp thọ, như tạo năm tội nghịch... thì không thể nhiếp thọ, lại cũng là nguyên nhân Bồ-tát địa tiền tất cả đều nhiếp.

Luận ghi: “Có thể thành thực Bồ-đặc-già-la, là lược có sáu loại Bồ-tát trụ sáu Địa Bồ-tát, có thể thành thực hữu tình, từ Thắng giải hạnh Bồ-tát trụ Thắng giải hạnh địa thứ nhất... cho đến Cứu cánh Bồ-tát trụ Đáo cứu cánh địa thứ sáu”, Thắng giải hạnh trong đây như Nhiếp luận nói, tức là Bồ-tát tăng-kỳ thứ nhất, vì đối với lý bốn Chân đế mà khởi Thắng giải quyết định. Lấy văn này làm chứng Quyết Trạch phần thiện là tăng-kỳ thứ nhất, là Thắng giải hạnh vị, cho nên Tịnh thắng ý lạc thứ hai, tức là Nhiếp luận nói : “Tăng thượng ý lạc địa”, đều là Sơ địa mới đắc Vô lậu ý lạc cho nên gọi là Tịnh, không đồng với Thắng giải hạnh địa trước. Hành chánh hạnh Bồ-tát địa thứ ba, Nhiếp luận ghi: “Địa thứ hai gọi là Tăng thượng địa, Địa thứ ba gọi là Tăng thượng tâm, Địa thứ tư trở xuống gọi là Tăng thượng tuệ”, đây là bảy Địa trở về trước, Địa thứ hai trở đi, vì không phải mới đắc Vô lậu; không đồng với Sơ địa, vì không phải đắc Vị đắc bất Thoái; không đồng với Địa thứ tám trở đi, vì đã đắc Vô lậu lục độ ý lạc, gọi là Hành chánh hạnh địa. Đoạ quyết định thứ tư Bồ-tát địa, lấy Địa thứ tư của Nhiếp luận trở đi gọi là Tăng thượng tuệ địa, Địa thứ tám trở lên gọi là Bất Thoái chuyển vị, luận này là Địa thứ tám Bồ-tát, vì mới đắc Bất Thoái chuyển, không đồng với Tiền vị và Hậu vị, gọi là Đoạ quyết định, là Quyết định bất Thoái. Quyết định hành chánh hạnh thứ năm, đây tức là Địa thứ chín, hiện tại hành Hạnh này, thì Vô lậu quán tương tục trụ Hành bất Thoái, gọi là Đoạ quyết định hành chánh hạnh địa, tức là Nhiếp luận gồm Thập địa tổng gọi là Bất Thoái chuyển Bồ-tát, cũng gọi là Tăng thượng tuệ phần.

Đáo cứu cánh Bồ-tát địa thứ sáu, là Thập địa, vì gần bên cạnh của Như Lai. Sáu loại này mỗi mỗi tùy một Tầng thượng mới được tên Vị, không phải nghĩa sau không có nghĩa trước, không phải nghĩa trước không có nghĩa sau, không đồng với Nhiếp luận, vì Nhiếp luận phỏng theo Thoái và Bất Thoái của Tam học mà tổng phân biệt các Địa này, các luận khác hoặc là đồng như hai loại trước, hoặc là khác như trong đó các loại khác không nói, chỉ sơ lược thuyết minh nhân. Lại nữa, trong căn cứ theo hạ phẩm mà phối hợp hạ phẩm và trung phẩm, thì Tịnh thắng ý lạc là tăng-kỳ thứ hai, chưa chắc chỉ ở tại Sơ địa, tức là như Tầng thượng ý lạc của Nhiếp luận, thông với tất cả Địa trên đều là Bất Thoái chuyển, luận này là Đoạ quyết định chí cứu cánh, tức là tăng-kỳ thứ ba, các Vị khác thì giống như Tầng thượng địa... trong đó có riêng nêu ra.

Luận: Trong giải thích ba phẩm của Thanh văn, nói: “Hoặc có khi an trụ hạ phẩm mà thành thực, lúc đó liền có hạ phẩm Dục lạc, hạ phẩm Gia hạnh...”, cho đến “phẩm thứ ba thì đối với Hiện pháp mà đắc Bát Niết-bàn”, hạ phẩm trong đây, căn cứ theo do đoạn nẻo ác, tức là trung Nhân và hạ Nhân trở về trước, trung phẩm tức là hiện thân đắc quả, chứng Bất tùy nẻo ác, tức là người Tăng thượng nhân trở đi, nếu vì người trước không có nẻo ác nghiệp, thì không đoạ nẻo ác, tức là đối với thân Hiện kiến mà đắc quả, cũng là trong đây nhiếp. Trong đây lại phỏng theo người có bảy đời, vì được làm luận, cho rằng: “Không phải đối với Hiện pháp mà đắc Niết-bàn, nếu phỏng theo Tăng thượng, thì bốn loài cho đến sáu mươi kiếp làm người tu tập”, tức là đối với thân hiện tại cũng nhập Niết-bàn, điều này không làm luận. Nếu khác với điều này, thì người thứ ba đều là người Hữu dư, phải căn cứ theo đây mà biết. Loại người thứ nhất, nếu căn cứ theo hạ phẩm Bồ-tát, tức là hợp chung với Kiến đạo trở về trước. Hiện tại căn cứ theo văn nghĩa thì đều không phải như vậy, cho nên nói riêng.

Trong Độc giác thì chắc chắn phải lấy quả A-na-hàm, hoặc một trăm kiếp tu tập viên mãn đã xong, khởi ba mươi sáu tâm tiến đến quả Độc giác, như Đối Pháp sao nói.

Luận: Trong giải thích Bồ-tát hạ phẩm, nói: “Hoặc có khi Bồ-tát trụ hạ phẩm thành thực, thì lúc đó liền có hạ phẩm Dục lạc, hạ phẩm Gia hạnh cũng còn đến nẻo ác”, là Bồ-tát này thật ra đã lìa nẻo ác nghiệp, không thọ sinh nẻo ác, nhưng vì khi lợi ích hữu tình, cho nên đến đó mà sinh, nhân đó liền khởi nhiễm mà thọ quả báo nẻo ác kia, khi kiếp ban đầu có sinh nẻo ác, nhưng như Kim sí điều xuống biển ăn rồng, ăn rồng xong rồi thì bay lên hư không, do bắt lấy rồng cho nên dưới

chân có bùn đất, nhưng thật ra thì không có ý, vốn chỉ vì bắt rông, khi bắt rông do đó mà bùn dính dơ. Bồ-tát cũng vậy, do lợi ích hữu tình mà bị nhiễm trói buộc, cho nên khi Sơ kiếp cũng sinh vào nẻo ác như vậy, như chỗ dẫn kinh. Nếu có thành thế gian tăng thượng phẩm Chánh kiến, thì bài tụng làm sao thông? Nghĩa là luận kia phỏng theo Bất chánh kiến làm duyên sinh nẻo ác. Hại Địa như thế nào? Vì trước đã có khởi nẻo ác nghiệp mà sinh nẻo ác.

BẢN LUẬN 38 PHẨM BỒ-ĐỀ THỨ BẢY

Nói Bồ-đề, tức là phẩm thứ năm trong năm phẩm của Xứ sở học, pháp thứ bảy trong bảy pháp. Nói Bồ-đề, tức là ba thân Bồ-đề. Bồ-đề là Giác, đã chứng Chân thật, hiện đại thần thông, thành thực tự tha thì phải có quả chứng, cho nên sau phẩm Thành thực thì thuyết minh phẩm Bồ-đề.

Luận ghi: “Trong một trăm bốn mươi Bất cộng Phật pháp”, là ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp; Xuất khổ đạo... có bốn Nhất thiết chủng thanh tịnh, mười Lực, bốn Vô úy, ba Niệm trụ và ba Bất hộ trở lên, tính ra lấy được là một trăm ba mươi sáu Bất cộng Phật pháp; Ích đại bi, Vô vong thất pháp, Vĩnh hại tập khí, Nhất thiết chủng trí bốn loại này làm thành một trăm bốn mươi Bất cộng Phật pháp, như văn tự trình bày.

Luận ghi: “Trong ba Vị này, Như Lai phần nhiều trụ vào bốn Tối thắng trụ, trong Thánh trụ thì phần nhiều trụ Không, trụ Diệt tận định; trong Thiên trụ thì phần nhiều trụ Vô động tĩnh lự thứ tư”, vì Định thứ tư là Bất khả động, không có Khổ lạc, không có Tam tai, cho nên gọi là Vô động, ba loại dưới thì không phải như vậy, cho nên Như Lai có nhiều Trụ, hữu tình thì có Khổ nhiều, có nhiều các Hành khổ cho nên trụ trong Khổ trụ, phải có nhiều Trụ bi tâm để cứu bạt chúng sinh khổ, như Đại Trí Độ luận của Long Thọ nói: “Ba Trụ trước thêm một Phật trụ làm bốn Trụ”. Phật trụ, là Vô lượng tam-muội của Thủ Lăng-nghiêm và mười Lực, bốn Vô úy, Bất cộng pháp... của Phật, đều là Phật trụ. “Hoặc phân làm mười sáu Trụ, Thiên trụ có tám”, là cõi Sắc có bốn, cõi Vô sắc có bốn, Phạm trụ có bốn tức là bốn Vô lượng, Thánh trụ có bốn, Diệt định của Vô nguyện... cho nên có mười sáu Trụ, rộng thì vô lượng, như luận kia nói.

Mười Hiệu là tên của Tùy niệm công đức, vì tùy chúng sinh niệm mà đắc công đức, gọi là Tùy niệm công đức. Nói rằng: “Phật Thế Tôn, Thể chỉ là một, có mười danh hiệu. Lại như sư Pháp phán, trong mười danh hiệu, một danh hiệu sau là tổng hiệu và biệt hiệu, chín danh hiệu trước là biệt hiệu. Ngay trong biệt hiệu, ba hiệu đầu thông với hai lợi, ba hiệu giữa chỉ có tự lợi, ba hiệu sau chỉ có lợi tha. Nếu như vậy thì danh hiệu thứ nhất và thứ ba chỉ thuyết minh Giác pháp thắng nghĩa của ngôn vô hư vọng thì chỗ nào thuyết minh lợi ích để làm Ngôn? Ngôn không có hư vọng thì lý không vượt hơn ngôn, phải có người thọ lãnh,

cho nên trong Như Lai cũng có Lợi tha... Căn cứ theo đó mà biết. “Dưới đây căn cứ trong thuận lợi tha cũng có tự lợi”, căn cứ theo giải thích cũng có thể biết. Hoặc như Cựu luận và pháp sư Viễn, thì đối với chín danh hiệu, thì năm hiệu trước là của đức của tự mình, tiếp theo là hiệu của bốn Lợi tha, Ứng Lợi tha. Như thế nào nó là đức của tự mình? Lại nữa, trong năm danh hiệu trước phân làm hai cặp, cặp trước hiển rõ Đạo viên tròn, cặp sau thì hiển bày diệt tận. Ba thời trước:

1. Chỉ quán.
2. Nhân viên tròn.
3. Nhất quả cực.

Đây là y theo nghĩa mà nói. Ứng, có nghĩa là chỉ xứng với lợi tha, không phải là tha lợi, cho nên cũng là tự lợi, như sư Cảnh nói: “Nói Như Lai, là Ngôn không có hư vọng cho nên gọi là Như Lai. Như Trí Độ luận và Thành Thật luận ghi: “Nương Đạo như thật đến mà thành Chánh giác, cho nên gọi là Như Lai”. Kinh Niết-bàn ghi: “Ta từ sáu Ba-la-mật và mười một Không mà đến, cho nên gọi là Như Lai”, đây là nói Ngôn vô hư vọng.

Luận: Trong giải thích Minh hạnh viên mãn, nói: “Minh là ba Minh, Hạnh là như trong nói hai phẩm Chỉ quán và lục độ vạn hạnh...”, như Cựu luận ghi: “Ba Minh như trong kinh nói, Hạnh là hai phẩm Chỉ quán. Luận này thì ngược với luận kia.

Luận ghi: “Hoặc có nhiều kiếp không có một vị Phật xuất hiện nơi đời, hoặc có một kiếp có nhiều Phật xuất hiện nơi đời”, đây là như Câu-xá luận nói: “Phật đã trải qua ba tăng-kỳ tu hành, thêm một trăm kiếp nữa tu nghiệp tướng tốt, bảy ngày bảy đêm thuyết Kệ, siêu vượt hơn Phật khác chín kiếp, trong chín mươi một kiếp tu nghiệp tướng tốt mới được thành Phật, thuở xưa kia gặp Định Quang Như Lai và Tu-phiến-đa Phật, là kiếp thứ ba mươi hai, từ đây về sau, lại càng không có Phật xuất thế, sau đến kiếp này có năm vị Phật xuất thế, là Câu-lưu-tôn Phật, cho đến Thích-ca Phật, sau cùng đến Di-lặc gọi là năm Phật, phải trải qua đại kiếp này không có Phật xuất hiện, cho nên biết là Hiền kiếp, lấy nhiều kiếp làm một kiếp, tức là luận kia nói: “Thuở xưa kia gặp Tu-phiến-đa Phật, có ba ngàn người phát nguyện, mỗi một ngàn người, làm một hội Phát tâm, trong Tiền kiếp có một ngàn Phật đã xuất thế, là một ngàn người thứ nhất, đến Hiền kiếp thứ hai có một ngàn Phật đã xuất thế, là một ngàn người thứ hai, sau cùng là Tinh tú kiếp, có một ngàn Phật, là một ngàn người thứ ba. Lại nữa, như Đại Trí Độ luận nói: “Khi kiếp sắp thành thì trong đại hải có hoa sen ngàn cánh

rất đẹp và thanh tịnh, tiêu biểu trong kiếp này có một ngàn Phật xuất thế, hoa sen đó bao nhiêu cánh là tùy theo có bao nhiêu Phật, đó là sự tương truyền trước kia. Hiện tại trong Trụ kiếp là kiếp thứ chín, trong hai mươi Trụ kiếp thì năm kiếp đầu không có Phật, mười kiếp sau cùng cũng không có Phật, kiếp thứ sáu Phật mới xuất thế, cho nên đã có bốn vị Phật, Thích-ca là đang ở trong kiếp thứ chín”, luận này không đúng. Hiền kiếp tức là hai mươi Trụ kiếp hợp chung làm Hiền kiếp, khởi phải trải qua Thành kiếp, Hoại kiếp nhiều lần, do đó gọi là Hiền kiếp ngay trong Trụ kiếp, ngay trong Trụ kiếp thứ nhất đã có bốn vị Phật, các kiếp khác thì Phật khác ra đời. Đây là tương truyền giải thích của Ấn Độ.

Luận ghi: “Đối với Phần như vậy, sư Pháp nói:: Phần là Xứ sở”, điều này không đúng, tức là nửa phần trước và nửa phần sau, tháng không trăng và tháng có trăng là Phần, nên nói: “Sau đó nói về Phần, sau Phần nói về tháng”.

Luận ghi: “Lại nữa, đối với mười phương hiện có vô lượng vô số ba ngàn đại thiên Phật, cõi Phật, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập Bồ-đề tư lương, đồng thời viên mãn trong một cõi Phật, cùng ra khỏi thế gian, cùng thành Phật, hướng chi có vô lượng Bồ-tát trong một thế giới đồng thành Phật”, ý luận này thuyết minh có Bồ-tát tu tập Bồ-đề tư lương, đồng thời viên mãn với nhiều Bồ-tát, hoặc không đối với thế giới khác đồng thời thành Phật, mà đối với một thế giới khác. “Nhiều Bồ-tát đồng thời thành Phật”, là không đúng, để chấp của Tiểu thừa cho nên nói không có mười phương Phật. Văn dưới đó ghi: “Hoặc đồng trụ Đĩ-sử-đa thiên mà thứ tự thành Phật” là không đúng.

Trong đây có vấn nạn rằng: Nếu như đồng thời phát nguyện thì đồng thời viên mãn, chúng sinh cùng tại một thế giới, thì một vị Phật và chúng sinh đồng thời căn thuần thực, điều này làm sao thông?

Đáp: Không có điều này.

Hỏi: Nếu như thế thì Di-lặc, Thích-ca và chúng sinh, cũng có căn thuần thực trước sau không đồng nhau, hướng chi đồng thời căn thuần thực?

Đáp: Vì chúng sinh đồng ở tại một thế giới.

Luận ghi: “Lại nữa, một Như Lai đối với một ba ngàn đại thiên cõi Phật, có thể rộng bố thí làm Phật sự, do đó Như Lai thứ hai xuất thế thì không có chỗ lợi ích”, đây là ý giải thích một thế giới không có hai Phật.

Hỏi: Nếu như thân lực vô biên của một vị Phật có thể bao quát tận mười phương, đều có thể lợi ích, chính là vì thân lực này mà mười

phương Phật không xuất thế hay sao, tại sao nói một ba ngàn cõi không có hai Phật ra đời?

Đáp: Thần lực của Phật tuy vô biên, nhưng phỏng theo tướng mà nói, một ba ngàn cõi mà bố thí Phật sự, thì một thế giới Phật không có hai Như Lai, vì vượt ngoài lượng, chỉ có ba ngàn cõi chứ không phải mười phương khác.

Luận ghi: “Lại nữa, không phải nữ thân có thể chứng Vô thượng Bồ-đề”.

Hỏi: Tại sao kinh Pháp Hoa nói Long nữ thành Phật... điều làm sao thông?

Đáp: Long nữ kia cũng biến thành nam, rồi sau đó mới thành Phật, không phải để nữ thân mà thành Phật.

PHẨM LỰC CHỨNG TÁNH

Lực chủng tánh của các sư trong Cự luận nói: “Từ trên đến đây có năm phẩm, thuyết minh pháp sở học, mười một phẩm dưới thuyết minh Học hạnh của nó, tuy Hạnh sau cũng là pháp, Hạnh trước là pháp Thể, mười một phẩm dưới là nghĩa của Phương tiện tạo tu, gọi chung là Phương tiện xứ, trong đó có ba loại:

1. Có một phẩm, thuyết minh Căn bản nhiếp học phương tiện.
2. Có chín phẩm, tạo duyên Chánh tu.
3. Có một phẩm, do Học mà thành Đức, luận này không đúng.

Học trì thứ ba có mười sáu phẩm, năm phẩm trước phân tích tông sở học, thuyết minh sở học khác nhau, có người năng học, nhưng chưa thuyết minh phải Học như thế nào! Một phẩm thứ sáu là chánh phân tích Học hạnh phải như thế nào, còn lại mười phẩm chánh thuyết minh Năng học tông, thuyết minh Năng học hạnh, vì có pháp sở học cho nên Học trì ban đầu nói hoặc là Xứ sở học, nói học như vậy mà có thể tu học, cho nên có ba chương. Nếu căn cứ theo phẩm thứ nhất ở dưới thì liền có sinh khởi; nếu Xứ sở học là Học văn giải thích năm phẩm, cho đến phẩm Lực chủng tánh này, thì sau đó có sinh khởi; nếu như đó là Học văn thuyết minh từ trên đến đây sáu phẩm đã xong. Giải thích nếu trong phẩm Năng tu học thí, ban đầu không có sinh khởi, thì Năng tu học văn lấy lý này làm chuẩn. Trong năm phẩm trước, Tông thuyết minh Xứ sở học, kiêm gồm có người năng học, mười một phẩm dưới thuyết minh Hạnh của sở học, kiêm thuyết minh pháp sở học và người năng học, tức là ba câu đầu của Học trì, hoặc Xứ sở học, hoặc học như thế là phán xét phẩm có bao nhiêu. Câu thứ nhất thuyết minh pháp sở học, câu thứ hai tuy thuyết minh pháp sở học, nhưng chưa thuyết minh phải học như thế nào, kể đó thuyết minh phải học như thế. Nếu Năng tu học là Xứ sở học, thì trong học như thế sẽ kiêm thuyết minh Năng tu học, có nghĩa là điều này cũng phân riêng, chưa giải thích phân làm thù thắng như trước. Hoặc Xứ sở học, hoặc học như thế, trong sáu phẩm trước, phẩm đầu có sinh khởi. Trong phẩm Năng tu học thí, tuy không có sinh khởi, nhưng thuyết minh chưa có công năng, mà cũng có văn kết luận, cho nên biết mười phẩm này là Chứng học. Hiện tại nói Lực chủng tánh, Lực là mười Lực, Chủng tánh là chủng tánh của mười Lực. Chủng tánh phẩm thứ nhất ở trước, thông với tất cả Chủng tánh, nhưng chưa thuyết minh Tập thành chủng tánh của mười Lực, hiện tại muốn thuyết minh riêng Tập thành chủng tánh, cho nên nói phẩm Lực chủng tánh, trước là

Tánh chủng, hiện tại là Tập chủng tánh.

Luận ghi: “Phải biết trong một phần của mười hai phần giáo Phương quảng kia chỉ có Bồ-tát tạng, các phần khác thì có trong Thanh văn tạng, văn của các luận khác thì khác nhau. Trong đây căn cứ theo mười một phần, thật ra để luận chung với Bồ-tát và Thanh văn tạng, cho nên nói các phần trong luận khác có Thanh văn tạng, một phần trong Phương quảng. Căn cứ theo nghĩa thù thắng thì chỉ có Bồ-tát tạng, nhưng nói Tiểu thừa thì nói nội trong mười một phần, thật ra Tiểu thừa tự nói cũng có mười hai phần, có Phương quảng phần, chính là hy vọng một loại pháp mà thông với cả hai tạng, như trong Bản luận 36 trước mà hiểu.

Luận: Giải thích mười Nhân, rộng như Biệt sao và quyển 5 trước giải thích, luận này ghi: “Tuỳ thuyết nhân, là tất cả tên của pháp được khởi trước tiên, cho nên các tướng khởi ngôn thuyết trước tiên”, là như do trước tiên có tên của Sắc, sau khi nghe tên này thì liền khởi tướng mà nắm lấy hình tượng, thiện ác đều do chỗ nắm lấy hình tượng này, liền khởi ngôn thuyết, nhân là Ngôn của Sắc... Lại nữa, như Tập Tập luận quyển 4 ghi: “Tuỳ thuyết nhân, là Danh tướng kiến, Ngôn thuyết tức là Dụng, kiêm gồm Kiến làm Thể.

Hỏi: Luận này thì không nói Ngôn kiến kia, là có ý gì?

Đáp: Do Tướng nắm lấy sắc tượng, rồi khởi chấp trước, chấp trước gọi là Kiến, do chấp trước cho nên khởi Ngôn thuyết.

Hỏi: Nếu nhân thanh tịnh, thì tại sao gọi là Chấp trước?

Đáp: Thanh tịnh nhân kiến tức là Chánh kiến, vì xứng với pháp kia, tuy không phải chấp trước nhưng cũng gọi là Kiến, luận kia nói Kiến, là vì cùng với Tướng dụng mỗi mỗi đều khác, điều này thì các luận không nói, là đối với chỗ nắm lấy hình tượng mà khởi chấp trước, tức là một vật tương tự, vì trong Tướng nhiếp Kiến, cho nên không luận. Lại nữa, như khắp có chỗ nói nhưng chỉ có Tướng thì chưa chắc khởi chấp, luận kia thì căn cứ hợp chung mà tác pháp, đồng thời khởi chấp trước mà nói, luận này chỉ phỏng theo không chấp trước mà nói, không trái nhau.

Luận: “Giải thích Khiên dẫn nhân”, tất cả Chủng tử đều mong Tự quả sau, đó là Khiên dẫn nhân quả, như Chủng tử của Thức mong quả Lão tử, đó là Khiên dẫn nhân; nếu mong Danh sắc, đó là Sinh khởi nhân, đó là ý trong đây, cho nên dưới đây có riêng hai nhân Năng sinh, như dưới đây giải thích.

Luận: Trong giải thích Oán dịch tương vi, nói: “Là răn độc, chuột,

chó sói, mèo, chồn, chuột nhất”, các con vật trong đây lẫn nhau làm oán địch, cho đến chuột nhất chuyển sợ rắn độc, như vậy thứ tự mà lẫn nhau làm oán địch, khi gặp nhau thì không có tâm tình gì!

Luận: Trong giải thích hai nhân Năng sinh phương tiện nhiếp mười nhân, nói: “Phải biết trong đây Khiên dẫn chủng tử và Sinh khởi chủng tử gọi là Năng sinh nhân, các Nhân khác gọi là Phương tiện nhân”, như văn của Tâm tứ địa trong quyển 5 ghi: “Năng sinh nhân, là Sinh khởi nhân, Phương tiện nhân là các nhân khác”, như văn trước của luận đó tự giải thích Khiên dẫn nhân, nói: “Do Tịnh và Bất tịnh nghiệp, huân tập các Hành của ba cõi, trong ba cõi Tự thể khiên dẫn của Ái và Phi ái, tức là Khiên dẫn nhân, chỉ y theo Dị thực Nhân của Hành chi mà luận. Tâm tứ địa thì trong Phương tiện nhân nhiếp, là Tăng thượng duyên. Trong luận này ghi: “Khiên dẫn nhân, là tất cả Chủng tử mong Tự quả sau, đó là Khiên dẫn nhân, tức là như Thiện ác chủng tử của Hành chi trở lại sinh Thiện ác hạnh của tự nó, Thức chi thì ở xa sinh Chủng tử, đều là Tự chủng, là Nhân duyên, cho nên các Chủng tử này là Năng sinh nhân nhiếp. Theo thật tế, hợp chung hai câu văn một chỗ, Khiên dẫn sinh nhân là Năng sinh nhân, đó cũng là Phương tiện nhân, là Chủng tử của Hành chi và Thức chi mong Sinh, Lão tử... cũng không có trái nhau. Hai câu văn, mỗi mỗi đều được một nghĩa, cho nên trong Y xứ là Y xứ của Tập khí, vì chưa bị thấm nhuần, mỗi mỗi đều lấy Chủng tử của mình mà sinh. Nếu Sinh khởi nhân là Năng sinh nhân nhiếp, thì trong đây tức là Chủng tử ban đầu mong Tự quả ban đầu, đó là Sinh khởi nhân, như Chủng tử của Thức mong Danh sắc... cũng là Năng sinh nhân, hai tất cả trái nhau.

Hỏi: Nếu như thế thì Khiên dẫn nhân và Sinh khởi nhân đâu có khác gì?

Đáp: Có hai thứ khác nhau:

1. Rộng hẹp khác nhau, là Khiên dẫn nhân thông với Tăng thượng duyên và Nhân duyên, là chỗ nhiếp của Năng sinh nhân và Phương tiện nhân. Sinh khởi nhân thì hẹp, chỉ có Nhân duyên nhiếp.

2. Nhuần chưa nhuần khác nhau, vì trong Y xứ thì Khiên dẫn nhân là Nhân y xứ của Tập khí, là Chủng tử của Hành chi và Thức chi chưa bị thấm nhuần. Sinh khởi nhân là Chủng tử bị thấm nhuần thì Nhân Y xứ tức là đã bị thấm nhuần, cho nên có sai biệt. Có thấm nhuần tuy thông với Chủng tử của nghiệp báo, nhưng mỗi mỗi đều mong tự quả để sinh khởi đó chỉ là Nhân duyên, giải thích này đã chế phục vấn nạn. Hoặc Sinh khởi nhân của Vô ký đáng lẽ là Tăng thượng duyên, thuộc Phương

tiên nhân nhiếp. Trí tuệ các nhân này chỉ phỏng theo theo nhiệm ô... mà tác pháp. Hoặc mười lăm Y xứ, năm Quả trái nhau, như quyển 5 và Tập Tập quyển 4, xem thì hiểu.

Hỏi: Đồng sự nhân của nó nhiếp Sinh khởi nhân... tại sao không phải Năng sinh nhân của Nhân duyên nhiếp?

Đáp: Phỏng theo Duyên mà luận cho nên không nhiếp, thật ra thì được nhiếp, như những nhân này thì có hại, các nhân khác thì căn cứ theo đây mà biết.

Luận: Giải thích Vô ký nhân đã xong, “chỉ như Nhiếp Cốc luận mà nói”, là sách của thế tục kia thuyết minh các sự về các loại hạt giống, gọi là Nhiếp Cốc luận.

Luận: Trong giải thích Quán đái nhân, “Lạc tâm thanh tịnh, là Địa tiền vị của Sơ phát tâm nhiếp thọ thanh tịnh”, là đã đắc Vô lậu, Sơ địa trở lên. Thành mãn thanh tịnh, là quả đã đầy, Vô lậu đã tròn.

Luận: Trong giải thích mười Nhân của Thanh tịnh, Khiên dẫn nhân là An trụ chủng tánh, Bồ-đặc-già-la Chủng tánh đầy đủ thì có thể làm Thượng thủ chứng Hữu dư y và Vô dư y Niết-bàn giới...”, tức là Chủng tánh mong chứng trí của hai Niết-bàn giới, làm Khiên dẫn nhân thì không mong Niết-bàn.

Luận: Trong giải thích Định biệt nhân, “Chỉ lấy ba Thừa mà tác pháp”, đây là phỏng theo thô để làm luận, căn cứ theo tế thì trong mỗi mỗi Thừa thì lại phân ra quả gì, nhân gì... vô lượng không thể đếm.

Luận: Trong giải thích Đồng sự nhân, nói: “Hoặc Thanh tịnh phẩm”, đây là lựa riêng với Đồng sự nhân của Tập nhiệm. Nếu như thế thì đâu có khác gì! Trong Tập nhiệm không nói, hoặc lìa pháp Nhiệm phẩm thì Đồng sự nhân mới nói, đây là ảnh hiển, luận này đã thuyết minh ở trước, cho nên không cần giải thích, không đều là trói buộc vào văn. Lại nữa, đây là nói, nếu Thanh tịnh thì liền biết Đồng sự nhân của Tập nhiệm ở trước, cho nên phải lựa riêng.

Luận: Trong giải thích làm rồi không mất, chưa làm không đắc, nói: “Là tự chỗ Tác nghiệp của chư hữu tình tuy đã tạo tác trải qua nhiều trăm kiếp, cùng với công năng của quả đều không hoại mất”, đây là thuyết minh chung nghĩa của Hữu phần huân tập. “Cũng không có Bất tác, hoặc trở lại Dị tác mà có Dị thực hoặc Dị quả thực”, đây là kết Hữu thủ, là cũng không có Bất tác, nhưng có nghĩa Dị thực, hoặc trở lại Dị tác ác... có nghĩa Quả thực của Dị thiện...

Luận: Ô-ba-ni-sát-đàm-phân, đây là số cùng cực, là tên không thể dịch. Lại nữa, nói: “Như Đại thừa kinh có sáu trăm đại số, Hoa

Nghiêm kinh có một trăm hai mươi đại số, Câu-xá luận có sáu mươi số, đây là lập riêng.

Luận ghi: “Lại nữa, khi nghe pháp, không khinh miệt tự mình, do Nhất tướng này mà tâm đó viển ly khiếp nhược và tạp nhiễm”, là khởi luyện ma tâm, chớ nên tự khinh miệt chính mình.

Luận: Trong giải thích thứ ba phải thuyết chánh pháp, nói: “Là hàng Bồ-tát ngay chỗ xứng tâm thì đó là Sở thuyết”, tức là Bồ-đề và Niết-bàn, chỗ xứng tâm tức là Bồ-đề và Niết-bàn này, nhưng vì người khác mà nói.

Luận ghi: “Lại nữa, vì tất cả thuyết, tất cả pháp Vô gián mà nói, nói rằng vì người khác mà nói cần phải nghĩa thứ tự không có gián đoạn và đối với chánh pháp không sinh xan lạn, không làm thầy để được phụng dưỡng”, là không tham tiếc chánh pháp, không làm mà chấp, chấp tức là nắm lại, cũng là không chấp hành ý của sư trưởng mà keo kiệt chánh pháp.

Luận: Trong giải thích hai loại tướng, phải vì người khác mà thuyết, lại nói: “Như vậy Bồ-tát thuyết chánh pháp tướng, lược có hai mươi loại”, đây là nói trong hai loại tướng trước: một là trong Tùy thuận, nói mười lăm câu. Trong “phải tịnh tịnh thuyết” có năm câu, lại càng không có nghĩa khác, phải phối hợp theo thứ tự mà biết. Bốn là Tương tục, là không xan lạn chánh pháp ở trước, vì không xan lạn cho nên tương tục vì người mà thuyết. Mười là Không đui, là trước an ủi. Nói có tội, là không đui phạt, chỉ nên an ủi.

Luận: Trong giải thích thứ tư Pháp tùy Pháp hạnh, nói: “Phải biết Hạnh này lược có năm loại, văn sau sẽ tự có, tức là ba nghiệp làm ba loại, Chánh tư làm một loại, Chánh tu làm một loại, dưới đây hoặc Phật Thế Tôn đầu tiên thuyết minh ba nghiệp, nói: “Thế nào là Bồ-đề đối với chánh pháp tư tu”, đây là hai loại làm năm loại.

Luận: Trong giải thích Chánh tư, nói: “Bồ-tát do tám loại tướng này mà có thể chánh tu hành”. Thế nào gọi là tám loại Tướng? Đây là ban đầu hỏi: “Bồ-tát như thế nào đối với pháp mà chánh tư duy các pháp” trở xuống, cho đến “tiếp theo văn này” trở lên có hai đoạn:

1. Chánh giải thích tám loại.
2. Chia thành tám tướng.

Nghĩa là từ chỗ hỏi trở xuống, đến “trước hết nên xa lìa Xứ không thể nghĩ bàn tư duy pháp kia”, là tướng thứ nhất; xuống đến “nhưng không có chậm chạp”, là tướng thứ hai; tiếp theo xuống đến “lấy lý quán sát mà tùy ngộ nhập”, là tướng thứ ba; tiếp theo xuống đến “đối

với thiếu phần đó thật ra là tin hiểu sâu”, là tướng thứ tư; tiếp theo xuống đến “chỉ nương vào nghĩa của nó, không nương vào văn của nó”, là tướng thứ năm; “như thật biết rõ Hắc thuyết và Đại thuyết”, là tướng thứ sáu; “chính là có thể ngộ nhập tối sơ Tư duy”, là tướng thứ bảy; “đã được ngộ nhập rồi niệm niệm tác ý khiến cho được kiên cố”, là tướng thứ tám; “tám loại Tướng là hàng Bồ-tát do có thể viễn ly” trở xuống có tám chữ “Do”, lại thành tám nghĩa trước, đếm lại thì có thể biết.

Luận ghi: “Tỳ-bát-xá-na nào hàng Bồ-tát”, cho đến “gọi đó là Tỳ-bát-xá-na” là thuyết minh mười loại Trí. Hiển Dương quyển 1 và dưới đó quyển 94 giải thích có thể biết được. Những thứ này có bốn loại:

1. Có hai loại, đặc Tăng thượng thiên về tu mà làm luận, thật ra một người đồng thời có đủ Định và Tuệ.
2. Có hai loại.
3. Phương tiện đạo.
4. Chính là quả của Phương tiện.

Luận ghi: “Phải biết trong đây là hàng Bồ-tát như như tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na”, các loại này, thứ nhất thì ngược lại, kết với thứ ba trên là tu tập Định tuệ và Định tuệ thanh tịnh, là kết với thứ tư trên là ư thích tu tập. Trở xuống thì chỉ có luận riêng, nương vào Sở đắc của Định.

Luận: Thứ năm là giải thích Giáo thọ, nói: “Phải biết Giáo thọ lược có tám loại. Tám loại là những gì?”

1. Liễu tâm.
2. Liễu căn.
3. Liễu Y Lạc.
4. Liễu tùy miên.
5. Liễu tùy sở ứng thuyết.
6. Liễu thường kiến.
7. Liễu đoạn và biên kiến.
8. Liễu trừ tăng thượng mạn.

Cho nên làm tám loại, ba Xứ nhiếp tám loại này, cho nên tám Lực thứ tự mà phối hợp.

Hỏi: Tại sao chỉ nói tám Lực, không nói Xứ phi xứ tự nghiệp trí lực?

Đáp: Trước thuyết minh trong Tác thì Đặc bất tác thì Bất đắc, đã giải thích Xứ phi xứ lực xong rồi, vì do nghiệp Sở sinh không phải Tự tại, không phải người khác tác dẫn, là thuyết minh Tự nghiệp trí lực đã

xong. Luận này chỉ thuyết minh tám loại Lực, không thuyết minh hai loại đầu. Lại nữa, vì quán người ở trước mà vì người đó thuyết pháp và truyền dạy, là muốn nói: “Thế nào là quán Xứ phi xứ kia để vì thuyết pháp? Nếu như thế thì khiến cho người kia sinh nghi, ác nhân diệt thiện quả, chấp của Đại tự tại thiên sinh... tại sao không quán trừ? Lấy nghĩa này làm chuẩn cho thuyết minh trước là thù thắng.

BẢN LUẬN 39

THÍ PHẨM THỨ CHÍN TRONG TRÌ DU GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Thí phẩm, là Thí độ trong sáu Ba-la-mật. Pháp Bồ-đề phần trì có mười sáu phẩm: một là hoặc Xứ sở học, thuyết minh năm phẩm, bảy pháp nhiếp năm phẩm trước. Hai là hoặc Học như thế thuyết minh công dụng của học pháp, tức là một phẩm thứ sáu. Từ đây xuống mười phẩm, tông thuyết minh Năng tu học kiêm gồm Hữu sở học, nếu như Cự luận thì pháp Bồ-đề phần trì thứ nhất cũng khai mở làm ba loại, sư Viễn chỉ phán làm hai loại, như số đầu của thượng phẩm phân tích trở xuống trong mười phẩm đại khái phân làm ba loại:

1. Có bảy phẩm, là Tự phần của nó, không thuyết minh Thắng tấn, chỉ có Hạnh của Tự phần.
2. Có hai phẩm, thuyết minh Thắng tấn của nó.
3. Có một phẩm, Nhân thành Quả mãn.

Ngay trong Tự phần, phẩm phân làm hai loại, nghĩa phán có ba loại. Phẩm phân làm hai loại:

1. Có sáu phẩm, thuyết minh hạnh Tự lợi.
2. Bốn Nhiếp có một phẩm, thuyết minh hạnh Lợi tha.

Nghĩa phán làm ba loại, hai loại phán như trên, tức là trong phẩm Tứ nhiếp nói “các thứ Bồ thí” cho đến “Đồng lợi” trở xuống, là sáu phẩm Pháp hạnh, Biện đức, Chương tu, Thành đạo và Tự lợi, tức là thuyết minh sáu Độ. Thí phẩm kiến lập trước hết cho nên nói phẩm Thí.

Hỏi: Tại sao trước thuyết minh Xứ sở học, Học pháp phẩm như vậy đầu tiên sinh Xứ, đây là phần thứ ba thuyết minh Năng tu học, trước vẫn không sinh khởi thì đâu có ý gì là tà?

Đáp: Căn cứ theo nghĩa thì có thể biết đâu cần gì phân riêng, công đức phẩm dưới đó mới có văn kết, tự văn đó đã lược giải rồi, cũng như sơ giải Lực chủng tánh trước.

Luận ghi: “Tự tánh, Nhất thiết, Nan hành v.v...”, bài tụng này thuyết minh chín loại Thí:

1. Tự tánh thí, là loại thứ nhất tổng thuyết minh Thể tánh của Thí.
2. Nhất thiết thí, là thuyết minh riêng Thí hạnh và Tướng của Thí hạnh, Thí hạnh không phải một cho nên nói tất cả, ngay Thí hạnh này khai mở bảy môn khác, dưới đây thuộc tự nó thích đương.
3. Nan hành thí, là khó xả mà có thể xả, cho nên gọi là Nan hành,

Thí hạnh thù thắng gọi là Nan hành thí.

4. Nhất thiết môn thí, là tất cả Thí hạnh nhiếp trong môn này, nhiếp hạnh rộng lớn cho nên gọi là Nhất thiết môn thí. Lại nữa, trong Nhất thiết môn tu Thí gọi là Nhất thiết môn thí.

5. Thiện sĩ thí, là Thí hạnh thuần thiện, Sở tác thuần thiện, gọi là Thiện sĩ thí.

6. Nhất thiết chủng thí, là Thí hạnh cụ túc, trong tất cả duyên làm thành Thí hạnh mà gọi là Nhất thiết chủng thí, cho nên cùng với hai hạnh trước mỗi mỗi có sai biệt.

7. Toại cầu thí, xứng với hữu tình đến cầu thí, tùy ưa thích mà đều ban cho, gọi là Toại cầu thí.

8. Thử thế tha thế lạc thí, là lợi ích đời này và đời khác được an lạc, gọi là Thử thí.

9. Thanh tịnh thí, là Thí hạnh không có lỗi, Sở tác không có tội, gọi là Thanh tịnh thí.

Luận: Tại sao Tự tánh thí là hàng Bồ-tát cho đến gọi đó là Bồ-tát tự tánh thí? “Thứ nhất thuyết minh Thế tánh của Thí”, là khi thí thì không có Tham câu hành với Tư, và hai nghiệp chỗ phát thân ngữ này, thuyết minh Thế tánh, như Tạp Tập quyển 12 trong An trụ luật nghi nói. “Nương vào Phật giới A-cấp-ma kiến”, là Trụ nhân quả. A-cấp-ma này có hai nghĩa:

1. Nghĩa Truyền, tức là Phật giáo tương truyền, trước kia gọi là A-hàm, tức là kinh A-Hàm.

2. Nghĩa Biện nhân quả, vì Nhân chuyển đến Quả, luận này thì lấy nhân nghĩa, vì Định có Quả, Kiến trụ định có Quả, tùy theo tâm của người đến mà hành ân huệ thí.

Luận: Trong giải thích ngoài hai tướng Thí vật và Thí chư chúng sinh, tướng thứ hai ghi: “Có hai thứ cầu tự tại, là tất cả đoạn tâm đều rộng thí cho”, là đối với tài sản, người cầu thọ dụng, chỗ cầu tài sản kia, tùy theo đó mà thọ dụng, là thứ nhất. Không muốn cầu tài mà thọ dụng, chỉ muốn đối với tài mà được tự tại, là thứ hai.

Luận: Trong giải thích nên thí và không nên thí, nói: “Hoặc các Bồ-tát đối với chỗ hành thí, ý lạc thanh tịnh”, cho đến “không nên buông bỏ sự lợi ích chúng sinh trước mắt mà bố thí thân phần”, trong đây là Bồ-tát từ trước đến nay Ý lạc thanh tịnh, không tham tiếc thân mình, trước mắt đang có sự lợi ích chúng sinh, nếu có người đến cầu xin một phần thân, thì không nên thí cho, vì sự lợi ích trước mắt thì nhiều, lợi ích khi xả thì nhỏ, tùy theo sự lợi ích nhiều mà làm, nếu tâm Thoái

chuyển thì tự mình khởi niệm nghĩ rằng: “Điều này phải nên cho hay không cho, tâm sinh xan lạn tham tiếc thân mình, vì phá tham tiếc mà cần phải xả thân phần, trước tiên tâm đã thanh tịnh, không tham tiếc thân mình nữa, trước mắt trở lại sự nhiều lợi ích, không nên thí thân phần”, đó là ý trong đây.

Luận ghi: “Nếu có người đến câu tráo, la, ta, kinh”, tráo la là lờ và lưới để bắt cá, ta là lưới để bắt nai, kinh là dụng cụ để bắt thỏ và chim trĩ.

Luận: Trong giải thích không hợp nghi với cha mẹ và sư trưởng, nói: “Mặc tình chỗ sát hại, đánh trói, đổi bán”, là vì tùy thuận với cha mẹ để biết ơn, mặc tình cha mẹ kia giết hại mà tự mình không dám ôm ấp tâm thí, hướng gì hiển nhiên thí cho người đến cầu, đây là tổng kết ý trên, không nên có tâm bố thí cha mẹ v.v... tự mình còn không ôm ấp tâm đó, hướng gì hiển nhiên mà dùng cha mẹ để bố thí.

Luận ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát hoặc làm Quốc vương Quán đảnh tự tại”, cho đến “mà bảo cho những người kia biết rằng, như ta ân huệ hóa độ, các ông cũng nên như thế”, là không hợp chung lấy thê tử quyến thuộc của chư bá tánh, đoạt lấy bố thí, chỉ có trì giữ châu thổ của thôn ấp, hoặc toàn phần hoặc một phần, mà khi bố thí thì thê tử quyến thuộc của bá tánh, trong đó đều được bố thí, nhưng bảo với những người kia rằng: “Như ta ân huệ hóa độ, sùng kính Phật pháp, các người cũng phải như vậy”.

Luận ghi: “Lại nữa, không bảo rằng, không khiến cho hiểu biết như vứt bỏ pháp thí, cháo cơm v.v...”, cho đến không hợp nghi mà bố thí thì Bồ-tát không làm”, là như có người trước không ăn hành hẹ, không có tự tâm và tha tâm biết, như pháp bố thí nhưng cùng với hành hẹ, thì Bồ-tát không làm, cho đến rộng nói, không phải hành hẹ này không thí cho người kia, cũng không phải lấy hành hẹ này đặt vào khí vật vàng bạc, vì không hợp nghi thức các sự nghiệp v.v... mà thí cho người kia, đó là ý trong đây. Lại nữa, như phương pháp vợ ném mà bố thí cơm cháo, không kính người kia, Bồ-tát không làm, uy nghi bất chánh mà thí cho người kia, Bồ-tát không làm.

Luận ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát đúng thời mà bố thí, không phải phi thời”, là đói ăn thì thí cho ăn, không thí cho y phục v.v... khi nóng thì thí cho mát, không thí cho lửa v.v... “Tự tha thanh tịnh, không phải không thanh tịnh” là không thấy người cho và người nhận. “Hợp nghi mà thí, không lấy bất hợp nghi”, là không thí cho người kia dao, thuốc độc, rượu v.v... không loạn tâm thí, nghĩa đó có thể biết.

Luận ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với tất cả thí, là tất cả Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí và Ân huệ thí”, giải thích hai hạnh bố thí đã xong, dưới đây là văn kết luận. Sư Pháp nói:: “Hoặc Dị môn, Thể tướng, giải thích Danh, đây là Pháp nghĩa vô ngại giải; Năng thuyên, Sở thuyên, vì có nhiều Dị môn phân riêng v.v... hoặc Nhân quả sai biệt, đây là Biện thuyết vô ngại giải, vì biện thuyết nhân quả. Lại nữa, nếu căn cứ theo văn kết dưới đây, thì chỉ nói do Tài thí, do Pháp thí, đây là kết hai môn trên, do Vô ngại giải, không nói là cái gì Vô ngại. Tại sao không nói bốn Vô ngại pháp nhiếp? Luận này giải thích điều đó cho rằng: “Là trong Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí trước, tất cả Dị môn là pháp Vô ngại”, là các giáo pháp phần nhiều lấy Dị môn mà phân riêng pháp tướng, hoặc thể tướng tức là Nghĩa vô ngại, Nghĩa sở thuyên phần nhiều phỏng theo Thật thể, Thể gọi là Tướng. Hoặc giải thích Danh là Huấn từ vô ngại để giải thích các văn tự. Hoặc Nhân quả sai biệt là Biện thuyết vô ngại, vì đã có biện thuyết các Sự nhân quả, tức là bốn Vô ngại đều ở trong đây, vì trên Tài thí v.v... có các Vô ngại này, như thật liễu tri mà hành Ân huệ thí, gọi đó là Xảo tuệ. Lại nữa, trong bốn Vô ngại giải, mỗi mỗi đều có thể tướng của Dị môn cho đến nhân quả v.v... chưa cần phải phối hợp riêng với nó, đây là đại nghĩa.

Luận: Trong văn kết bên dưới, nói: “Tổng nghĩa và lược nghĩa, do Hữu tài, Vô tài, Tài thí, Sở thí”, tức là kết quyển thứ nhất, cho đến “như vậy đời đời nhất định đạt được vô tận tài bảo là do Pháp thí”, kết tiếp theo ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát rốt cuộc không có miệng truyền dạy cầu hơn tất cả chánh pháp của ngoại đạo”, cho đến “ta quyết định phải đối với pháp của các kinh này mà Bất tự tại do đó không thí cho ta, phải biết đó gọi là Xảo tuệ của Bồ-tát mà hành Ân huệ thí, vì Vô ngại thí”, kết tiếp theo ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với tất cả Thí, là Pháp thí, Tài thí và Vô úy thí, hoặc Dị môn v.v...”, cho đến văn kết “Bồ-tát Xảo tuệ mà hành Ân huệ thí”, là do Thắng ý lạc thí mà kết bốn Vô lượng môn ở trên. “Do thí chướng đối trị trí”, tức là kết bốn Chướng và bốn Đối trị trí. “Do Tăng thượng ý lạc thắng giải”, tức là kết luận không vận tâm thí kế trước, vì không có Tài bảo, chỉ có tâm thắng giải đó mà thôi.

Trong Nan hành thí, nói: “Hoặc thời gian lâu đã tập quen”, như một quyển kinh, Bồ-tát đó thời gian lâu dài tập quen, lợi ích này có nhiều, không thể nói bố thí như trước, như Tài thí v.v... là do tập quen mà được. “Lại nữa, trong khi tập quen đầy đủ thì Năng thí là kinh, hoặc có thượng phẩm ân”, là có ân nhân thượng phẩm chưa ban cho, mà bây

giờ đem thí cho.

Luận ghi: “Tại sao Bồ-tát đời này hoặc đời khác ưa thích bố thí? Phải biết Thí này lược có chín loại, những gì là chín loại? Lại như Cựu luận, sư Viễn giải thích rằng: Tài thí và Pháp thí mỗi mỗi có ba loại, trong Tài có ba là: Thượng Diệm, Thanh tịnh, Như pháp. Thượng diệm tức là vật thượng diệm Mạt-ni v.v... Thanh tịnh là không phải cướp trộm lấy được. Như pháp là như pháp tài, không phải dao gậy, rượu chè v.v... Vô úy thí mỗi mỗi có ba loại, có thể biết. Lại nữa, có người cho rằng: “Thứ nhất chính là Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí”, đây là phân tích ba loại Thể, trên ba loại này phân ra sáu Dụng, Tài thí có hai Dụng, là Xan lạn cấu và Tích tàng cấu; Vô úy thí có ba Dụng, thuyết minh ba Úy; Pháp thí thì hợp chung làm một.

Hỏi: Trong đây tại sao các kinh luận khác lấy Pháp thí làm đầu, sau mới thuyết minh Vô úy, luận này thì Vô úy thí đứng đầu, Pháp thí đứng cuối?

Đáp: Luận dưới ghi: “Là Tài thí và Vô úy thí có thể khiến cho chúng sinh đời này an lạc, vì hai loại Thí này đều là Hiện lạc, cho nên tiếp theo kế đó là Tài thí, đầu tiên thuyết minh Vô úy thí, Pháp thí thì ở sau cùng, làm lợi ích cho hậu thế cho nên sau đó mới thuyết minh.

BẢN LUẬN 40

GIỚI PHẨM THỨ MƯỜI TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Giới phẩm, là trước đã thuyết minh Thí phẩm để trừ xan tham bên ngoài, bây giờ tiếp theo là trì giới để phòng cấu uế bên trong, vì rộng phân tích giới hạnh cho nên gọi là Giới phẩm, tức là tên gọi khác của Phòng phi. Tên gọi thù thắng của Thanh lương, không thể song song nêu ra làm đề mục cho Giới phẩm.

Luận: Giải thích Nhiêu ích hữu tình giới, nói: “Lược có mười một loại tướng, là hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình có thể dẫn phát nghĩa lợi v.v...”, là có mười một chữ “lại nữa” làm mười một tướng, nếu y theo Địa trì của Cựu luận thì trong loại thứ nhất này phân làm hai loại:

1. Đối với chư hữu tình có thể dẫn nghĩa lợi và các Sự nghiệp kia cùng làm Trợ bạn.
2. Đối với chư hữu tình tùy Sở sinh khởi cho đến cũng làm Trợ bạn.

Luận kia có nói hai chữ thứ nhất và thứ hai, luận này vì lấy Đồng pháp là Trợ bạn cho nên làm một đoạn, văn này là chính. Hai môn thứ tư và thứ năm của luận này, thì luận kia hợp chung làm môn thứ năm, cho nên có sự khai và hợp bất đồng này.

Luận: Trong giải thích Trụ biệt giải thoát luật nghi giới thứ năm, nói: “Do nhân duyên này, thì có thể thúc liễm, vì thúc liễm cho nên dần dần có thể như xưa v.v...”, ý của đoạn văn này có thể hiểu. Nói thúc liễm, tức là thúc liễm tâm, khiến cho không khởi ác tán loạn, như người đang khi thúc liễm thì không sinh phóng dật v.v...

Luận: Trong chữ “lại nữa” thứ bảy, giải thích thường xét lỗi mình, không dòm lỗi người, nói: “Chỗ không có tâm tổn hại, không có tâm sân khuể của chư hữu tình, Bồ-tát đối với các tâm Sân v.v... kia do ôm mang thượng phẩm pháp Đại bi v.v...”, Cựu luận ghi: “Do ôm mang thượng phẩm Pháp tâm và Bi tâm”. Sư Viễn nói: “Pháp tâm là Tuệ, dùng tuệ để biết các tâm Sân v.v... kia là Pháp số, không có người có thể Sân. Bi tâm là Bi tâm cứu các tâm kia, sợ sẽ thọ khổ”. Luận này lại giải thích rằng: “Pháp Đại bi, do ôm mang thượng phẩm pháp có thể khởi Đại bi”, có ý lấy Bi để cứu chúng sinh, không luận chữ “pháp”.

Luận: Giải thích chi thứ tư trong năm chi của Bồ-tát “chỗ tạo tác hạnh Bất phóng dật trước kia”, nói: “Hoặc đối với sau này, ngay chỗ trái phạm mà phát khởi dũng mãnh tự thệ nguyện Dục lạc v.v...”, cho đến văn kết nói “chỗ tạo tác hạnh Bất phóng dật trước kia”, trong đây

có ý nói, nếu như có một, thì thân trước đối với chỗ trái phạm trong vị lai, tự thệ nguyện không khởi, đối với pháp nên hành thì thệ nguyện hành, vì quá khứ đã phát nguyện, tất cả Thiện pháp của thân sau đều thực hành nó, ác thì diệt nó, đó là ý trong đây.

Luận ghi: “Bồ-tát thành thực như vậy mười chi, gọi là Trụ luật nghi giới, khéo hộ luật giới v.v...”, từ đây xuống có mười chữ “lại nữa”, tức gọi là mười chi, kết với mười chi trước rộng thuyết minh nghĩa. Nói rằng: “Không luyến tiếc nhìn lại các Dục của quá khứ”, là kết đoạn văn trước “bậc xuất gia đã xả vương vị”, chỗ xả vương vị vì là quá khứ, cho nên hạng xuất gia này không đoái nhìn các Dục của quá khứ. “Chữ “lại nữa” thứ tư, ưa thích xa lìa không sinh vui mừng đầy đủ”, là kết đoạn văn trước. Văn trước có hai đoạn, lấy hai câu này mà tìm nghĩa để phối hợp, căn cứ theo chữ “lại nữa” thứ mười mà phối hợp, chữ “lại nữa” thứ năm cũng vậy. “Chữ “lại nữa” thứ bảy, tánh nhu hoà”, phải biết chữ “lại nữa” trước là “hàng Bồ-tát trụ luật nghi giới, phải xét lỗi mình, không dòm ngó lỗi người, cho đến nhiều ích hữu tình tâm v.v...”, vì để khởi Bi tâm thương xót chư hữu tình phạm giới, không nói đến cái quấy của người, không luận đến cái phải của mình, vì tánh nhu hoà cho nên như vậy. “Chữ “lại nữa” thứ chín là Bất phóng dật”, là kết luận năm loại hạnh Bất phóng dật trước. “Chữ “lại nữa” thứ mười, là có thể cụ túc Quý tặc, Tịnh mạng”, là kết luận “che giấu thiện của mình, phát lộ ác của mình v.v...”, trong đây có hai cụ túc: một là Cụ túc quý tặc, hai là Cụ túc tịnh mạng. Cụ túc Quý tặc, là kết đoạn văn trước “phát lộ tội ác của mình, che giấu thiện của mình”, cho đến “uy nghi tịch tĩnh”. Cụ túc Tịnh mạng, là kết đoạn văn trước “lìa đối trá v.v... tất cả pháp có thể khởi tà mạng, đối trá để được tài vật là Bất tịnh mạng tài”, lìa đối trá này gọi là Tịnh mạng tài.

Luận: Trong giải thích An trụ nhiếp thiện pháp giới, nói: “Bồ-tát do mười loại tướng này mà gọi là Trụ nhiếp thiện pháp giới” trở xuống, văn tiếp theo phối hợp với văn trên. Năm Độ trên y theo văn mà thứ tự phối hợp. Trong Trí Độ luận riêng khai làm năm Xứ. Năm Xứ gồm:

1. Biết Thiện quả lợi ích thù thắng, tức là khi chứng đắc Bồ-đề, tất cả tướng hảo, tất cả công đức v.v...
2. Liễu tri thiện nhân, tức là lục độ hạnh v.v...
3. Liễu tri thiện nhân quả điên đảo và không điên đảo, tức là khởi kiến giải Thường lạc ngã tịnh, đó là nhân quả điên đảo, nếu khởi kiến giải Khổ, Vô thường v.v... đó là nhân quả không điên đảo.
4. Liễu tri thiện pháp chương, là biết rõ Chương của sáu Độ, là

Xan v.v... sáu mối tệ.

5. Liễu tri thiện quả lợi ích thù thắng, là Thiện nhân của tâm Tâm, trong Nhân quả biết rõ điên đảo và không điên đảo, không cho là Tịnh v.v... Liễu tri thiện chướng v.v... mà có thể nhanh chóng xa lìa, đều là Xứ thứ năm. Hoặc y theo sư Viễn nói: “Xứ thứ ba trong đây, biết thiện nhân quả điên đảo và không điên đảo là hai Xứ. Thị có bảy, Đảo có hai, là Tri thị phi đảo”. Trong bốn chữ “lại nữa” phân làm năm Xứ là “hàng Bồ-tát có thể đối với Thiện nhân quả” trở xuống, giải thích che lấp năm Xứ trước, nghĩa này không đúng, từ câu “hàng Bồ-tát đó” trở xuống cuối đoạn văn, nói: “Liễu tri nhiếp thiện pháp chướng làm Nhiếp thiện cho nên nhanh chóng có thể xa lìa”, là giải thích đoạn văn nào ở trước, nếu giải thích câu Liễu tri nhiếp thiện pháp chướng thứ năm ở trước, thì trước chỉ nói Tri chướng, không nói Viễn ly, ở đây thì nói Viễn ly, cùng với câu thứ năm trước lẽ nào không trái nhau? Hiện tại luận này phân là “hàng Bồ-tát đó” trở xuống, là câu thứ năm, vì Viễn ly chướng cùng với Tri chướng khác nhau.

Hỏi: Nếu lấy Viễn ly chướng là câu thứ năm thì cùng với câu biết thiện nhân trước đâu có khác gì?

Đáp: Biệt tri thiện nhân và Tri sáu Độ, là chưa có thể trừ Chướng, Xứ thứ năm này trừ Chướng cho nên có Biệt. Nếu ông lấy chướng để trừ chướng, thì không được phân làm hai Xứ, biết điên đảo và không điên đảo đáng lẽ không được phân làm hai, luận ông đã không thành thì nghĩa của tôi cần phải lập.

Hỏi: Biết đảo cùng với Thiện chướng đâu có khác gì?

Đáp: Biệt đảo, là bốn Đảo chướng, là sáu Tệ, cho nên có Biệt.

Hỏi: Tại sao câu hỏi Tam tụ giới trước, văn cũng hỏi rằng: “Trụ luật nghi giới, muốn tùy luật nghi giới v.v... trước kết các luật nghi giới, tức là hai đoạn văn song song hai pháp, là Trụ luật nghi giới và Thiện hộ luật nghi giới. Luận này giải thích Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới ở dưới, không kết môn thứ hai, chỉ kết Trụ nhiếp thiện pháp giới v.v... là có ý gì”?

Đáp: căn cứ theo văn kết ở trước, lấy trước làm ví dụ cho sau, trong Luật nghi giới song kết đã xong, làm ví dụ cho sau có hai Ứng tri cho nên không nói. Lại có giải thích khác, giải thích đó là trong Biệt giải thoát luật nghi, trong câu văn “Sơ sinh khởi”, chỉ có nói Trụ biệt giải thoát luật nghi, không có nói Thiện hộ biệt giải thoát giới, văn kết bên dưới tức là song kết, gồm có câu nói “Thiện hộ v.v...”. Trong giải thích thứ ba Nhiêu ích hữu tình giới, trong câu văn “Sơ sinh khởi”, chỉ

có một chữ “Trụ”, không có câu thứ hai “Thiện tu nhiếp thiện pháp giới”, trong văn kết đó, ngay hai loại đồng thời kết. Câu thứ hai Nhiếp thiện pháp giới, câu “Sinh khởi” chỉ có chữ “Trụ”, trong văn của nó ghi: “Gọi là trụ Nhiếp thiện pháp giới nhanh chóng có thể nhiếp Thiện nhất thiết chủng tướng. Câu nói “nhanh chóng có thể nhiếp Thiện nhất thiết chủng tướng”, có ý là kết câu “Thiện tu nhiếp thiện pháp giới”, vì lý làm chuẩn cho Biệt giải thoát giới tức là Sinh khởi và Kết. Cụ túc có hai loại, chính là Nhiếp thiện và Nhiêu sinh, lẫn nhau có ví dụ làm chuẩn, Nhiếp thiện có đủ hai Kết, không có Sinh khởi, Sinh khởi chỉ có một, Nhiêu ích thì có hai Sinh khởi, có hai Kết. Trong làm chuẩn, câu hỏi đồng nhau, cho nên văn không đủ. Lại nữa, giải thích môn trước, chỉ có ba môn, là Trụ luật nghi mà có thể Thiện hộ, môn này chỉ có một nghĩa, không phải có hai môn, Nhiêu sinh và Nhiếp thiện dưới đây căn cứ theo đó cũng có một môn, cho nên trong giải thích bên dưới, Sinh khởi và Kết cũng chỉ có một loại, không cần phiên nhọc giải thích.

Luận: Trong Quảng nhiều ích hữu tình giới, nói: “Lại nữa, hàng Bồ-tát do mười một loại tướng v.v...”, cho đến “trong mỗi mỗi tướng mà thành thực tất cả Chủng và mười một loại Hạnh”, những gì là mười một tướng? Nếu xét lược giải ở trước, thì Nhiêu sinh mười một tướng giải thích văn dưới đây, mười một tướng đó là: “Bồ-tát đối với các sự nghiệp kia của chư hữu tình kia đều làm Trợ bạn” trở xuống, là một tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát vì chư hữu tình mà như lý tuyên thuyết, là nhờ vào Lạc hạnh, Ác hạnh v.v...” trở xuống, là hai tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình có tư duy, chỗ biết sâu về Tư tuệ ” trở xuống, là ba tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình loại gặp điều kinh sợ, có thể vì cứu hộ” trở xuống, là bốn tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình loại ở trong sự suy não, có thể khéo khai thị giải thích” trở xuống, là năm tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát sẵn đủ vật dụng nuôi sống, tùy có người đến cầu xin thì đều thí cho” trở xuống, là sáu tướng. “Lại nữa, tánh hảo của hàng Bồ-tát nhiếp thọ chư hữu tình loại như pháp chế ngự chúng” trở xuống, là bảy tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát đối với tâm tánh của hữu tình ưa tùy chuyển theo, khi tâm chuyển” trở xuống, là tám tướng. “Lại nữa, tánh của hàng Bồ-tát ưa thích tán dương công đức chân thật, khiến cho người khác hoan hỷ” trở xuống, là chín tướng. “Lại nữa, tánh của hàng Bồ-tát ưa thích bị mắng để điều phục pháp, điều phục hữu tình” trở xuống, là mười tướng. “Lại nữa, hàng Bồ-tát vì muốn nhiều ích chư hữu tình cho nên hiện sức thần thông” trở xuống, là mười một tướng. Mười một tướng này căn cứ theo

mười một tướng lược giải trên mà phối hợp. Lại nữa, theo quyển 43 dưới trong Tĩnh lự thì cùng với luận này đồng, tuy Trợ bạn là hai, nhưng vẫn hợp chung là tướng thứ nhất. Nếu phân làm hai, tức là mười hai tướng, cho nên biết hợp chung Trợ bạn làm một. Nếu y theo Cựu địa trì thì tự có một, hai cho đến mười một số, trong lược giải trước cũng vậy. Trong lược giải trước đã hội hai luận không đồng nguyên nhân, vì trong luận này nương vào Cựu địa trì: “Mười một tướng là: Hàng Bồ-tát đối với các sự nghiệp kia chư hữu tình đều làm Trợ bạn” trở xuống, là một tướng. “đối với những người cứu khổ cũng làm Trợ bạn” trở xuống, là hai tướng, tức là trong câu thứ nhất trên phân ra câu thứ hai, tức là hợp chung câu thứ tư và câu thứ năm, cùng làm một tướng của câu thứ năm, trong lược giải thích trước của Cựu địa trì đã có sự khai hợp bất đồng như vậy, văn rộng giải và văn lược giải đồng nhau. Hiện tại nếu căn cứ theo quyển 41 dưới đây, thì sự nghiệp Trợ bạn và Cứu khổ làm hai môn. Lại nữa, trước đã nói trong tướng thứ ba, trong giải thích Báo ân, nói: “Cũng như đối với sự nghiệp, như vậy đối với khổ như lý mà nói v.v...”, tức là phân sự nghiệp và Cứu khổ làm hai môn.

Hỏi: Đây là ý gì?

Đáp: Có nghĩa là luận này căn cứ theo nghĩa của mười một tướng lược giải ở trước, tức là Sự nghiệp và Cứu khổ hợp chung làm một, vì có nghĩa là Trợ bạn v.v... hoặc chỗ làm Trợ bạn một là Sự nghiệp, một là Cứu khổ, vì hai nghĩa riêng khác nhau, cho nên quyển 41 sau và trong Báo ân khai làm hai tướng. Làm sao biết được? Ngay trong Báo ân ghi: “Đối với Như lý thuyết, đối với Phương tiện thuyết, thì tướng thứ nhất là Như lý thuyết”.

Hỏi: Trước nói mười một tướng, tướng thứ hai Phương tiện thuyết là thế nào? Tướng thứ ba là Báo ân phương tiện thuyết, hợp chung ngay trong Báo ân thứ ba, kinh luận nào có nghĩa Phương tiện thuyết?

Đáp: Luận này trong giải thích Như lý thuyết thứ hai, có ghi: “Hoặc Phương tiện thiện xảo tuyên thuyết, như đối với Lạc hạnh v.v... tức là Phương tiện thuyết, điều này hoặc là thuyết minh nghĩa của mười tướng, tức là Như lý phương tiện thuyết, cũng nói hợp chung với tướng thứ hai, hoặc thuyết tuy đồng Như lý phương tiện nhưng hai nghĩa khác nhau, cho nên trong luận này phân làm hai tướng.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao giải thích trong Báo ân này, không có đoạn văn giải thích Báo ân là nghĩa gì?

Đáp: Có nghĩa là giải thích Báo ân này, có đủ mười tướng trước, lại không nêu riêng tướng của Báo ân, hoặc Phương tiện thuyết và Cứu

khổ, mỗi mỗi đều làm một tướng, thì trong lược nói ở trước đáng lẽ là mười hai tướng, vì trong Trợ bạn phân làm hai tướng, có nghĩa là Trợ bạn này phân làm hai tướng.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao lược nói có mười một chữ “lại nữa”?

Đáp: Có nghĩa là chữ “lại nữa” thứ tư và thứ năm hợp chung làm tướng thứ năm. Trong chữ “lại nữa” thứ nhất, phân Trợ bạn làm hai tướng, tức là trong đoạn văn rộng này, phải căn cứ theo đó mà xét biết, đây là theo thuyết xưa, thật ra bản luận tiếng Phạm không có nếu tên thứ nhất, hai, ba, tư v.v... mà do nhà phiên dịch tự đặt. Nghĩa thứ nhất trước là chánh, nếu y theo sư Viễn thì nghĩa thứ hai trước là Đồng sự, thứ ba là một Ái ngữ, thứ tư là bốn Bố thí, thứ năm là bốn Lợi hành. Luận này thì không như vậy, thứ nhất là một Đồng sự, thứ hai là một Ái ngữ, thứ ba là năm Bố thí, thứ tư là bốn Lợi hành, lấy hai văn trái nhau mà dẫn như trước. Lại nữa, trong Đồng sự, thứ nhất là Lạc, thứ hai là Khổ, nên y theo văn mà tìm.

Luận: Trong giải thích hai tướng, nói: “Lại nữa, hàng Bồ-tát vì chư hữu tình mà như lý tuyên thuyết, là đối với hữu tình Lạc hạnh và Ác hạnh, vì muốn đoạn các Ác hạnh cho nên lấy Tương ứng, Văn cú, Trợ bạn, Tùy thuận, Thanh lãng, Hữu dụng, Tương xứng, Ứng thuận thường ủy, Phần tư lương pháp mà vì tuyên thuyết v.v...”. Tương ứng tức là tương ứng với lý; Văn là văn tự, Cú là nương vào văn mà sinh cú; Trợ bạn tức là nghĩa trong văn cú; Tùy thuận, là thuận với Vô lậu đạo; Thanh lãng là hoà nhã; Hữu dụng là có thể đoạn ác; Tương xứng tức là thuận theo bệnh mà thuyết pháp; Ứng thuận thường ủy, là thường thuận theo sự uỷ thác mà tu; Phần tư lương pháp tức là Bồ-đề phần không ngoài Phần tư lương pháp. Ý này tức là nghĩa của văn cú xứng với lý, âm thanh hoà nhã, thuận với Vô lậu đạo là thuận với Phần pháp của Bồ-đề, vì chúng sinh Lạc hạnh và Ác hạnh mà nói. Đó là ý trong đây.

BẢN LUẬN 41

PHẨM GIỚI THỨ MƯỜI TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Luận ghi: “Là Nhuyễn trung thượng phẩm của Nhiễm và Phi Nhiễm”, là vì khi phạm tội thì có phẩm cấp để rớt xuống, gọi là Nhuyễn trung thượng.

Luận: Giải thích người khác đem tài bảo đến bố thí thứ năm, Bất phạm trong Bất thọ, nói: “Hoặc biết người kia đối với sự bố thí mê loạn, hoặc biết thí chủ tùy xả tùy thọ, do nhân duyên đó quyết định đang nghèo túng”, mê loạn là người kia không muốn bố thí, chỉ do mê loạn mà hành bố thí v.v... Tùy xả Tùy thọ, là thí chủ phần nhiều ưa thích bố thí mà được tài bảo, tức là bố thí thì được thọ phước liền, thí chủ này quyết định đang nghèo túng. Từ câu “do nhân duyên đó, không thọ thì không phạm” trở xuống, nói: “Câu văn này sai, quyển sao trước, thuyết minh trước bốn giới Trọng, ngay bên dưới trong thuyết minh giới Khinh có bốn mươi ba giới, Địa trì thì có bốn mươi ba giới, đó là tăng thêm”, là nếu y theo bốn mươi ba giới mà phán, thì ba mươi hai giới thuyết minh Nhiếp thiện pháp giới, mười một giới sau thuyết minh Nhiếp hữu tình giới. Ngay trong Nhiếp thiện pháp giới, bảy giới đầu là Thí, sáu giới kế là Thi-la, bốn giới kế là Nhẫn, ba giới kế là Tinh tấn, ba giới kế là Định, tám giới sau cùng là Tuệ. Luận này hoặc là y theo bốn mươi bốn giới.

Luận: Giải thích chỗ không nên làm của Bồ-tát, đối với Bồ-tát tạng nghiên cứu chưa tinh, đối với Bồ-tát tạng vứt bỏ tất cả, đối với Thanh văn tạng xưa nay tu học, đó là trái phạm.

Hỏi: Tại sao không nói: “Nếu đối với Bồ-tát tạng nghiên cứu đã tinh rồi mới học Thanh văn tạng, thì không phải là trái phạm”?

Đáp: Vì Bồ-tát mỗi ngày chỉ phân có ba thời học, chưa từng đối với Bồ-tát tạng nghiên cứu đã tinh, xả Đại thừa mà học Tiểu thừa, đối với giới bậc thấp, một thời tổng khai thì không phạm, một ngày phân ba thời, hai phần tu Phật ngữ, một phần học ngoại luận, là Tiểu thừa và Ngoại luận, nghĩa trong khai mở bên dưới v.v...

Luận: Giải thích chỗ nên làm của Bồ-tát, nói: “Đối với Dị đạo luận nghiên cứu cầu thiện xảo, không phải như thuốc cay mà tập luyện gần gũi nó”, là tình trạng ngoại luận này đồng như thuốc cay, phải chán nghịch nó, không nên gần nó, là ý trong đây.

Luận ghi: “Nếu hàng Bồ-tát hoặc nghe chỗ sâu xa, chỗ sâu xa nhất mà tâm không tin hiểu, lúc đó phải gắng gượng tin thọ v.v...”, cho đến “nhưng không phỉ báng”, trong đây có ý nói, Bồ-tát tin lời Phật,

phải tự mình gương tin, tự biết không có Tuệ nhãn, đối với chỗ thuyết của Như Lai, không nên sinh phỉ báng, chỉ biết rằng tự mình không hiểu, không nên phỉ báng, suy ra Phật có thể biết v.v... là ý trong đây.

Luận: Trong giải thích mười một loại giới nhiều ích hữu tình, nếu căn cứ theo mười một tướng của quyển trước, không hỏi rộng hay sơ lược, đã phân tích như trước, trong luận này chỉ là mười một tướng đó, thứ nhất là đối với sự nghiệp đồng làm Trợ bạn, thứ hai là đối với khổ làm Trợ bạn, trong đây không nói sợ hổ, lang, sư tử v.v... tướng thứ sáu. Nếu y theo quyển trước, không hỏi rộng hay sơ lược, Trợ bạn hợp chung làm tướng thứ nhất, tướng thứ năm thuyết minh cái sợ cứu sư tử, có hai giải thích:

1. Lấy như Cựu địa trì, nêu mười một tướng, các tên gọi như một, hai v.v...

2. Giải thích như trong sơ lược của luận này giải thích mười một tướng, làm mười một nghĩa.

Kết hợp lại các bất đồng này, vì sự ban cho lạc và cứu khổ khác nhau, cho nên trong khoảng này khai ra hai nghĩa, quyển vì đồng làm Trợ bạn cho nên nói hợp chung, trong đây thì vì khai ra làm hai nghĩa, không nói các sợ sư tử v.v... Lại nữa, ngay ban cho sự sống và mất tài vật tương tự, cho nên không luận, quyển kia thì phỏng theo hợp chung với Trợ bạn cho nên luận riêng sợ sư tử. Lại nữa, quyển 43 dưới cùng với lược mười một tướng ở trước đồng nhau, tuy khai Trợ bạn làm hai nghĩa, nhưng cũng là tướng thứ nhất, nếu làm hai tướng tức là có mười hai tướng, không phải mười một tướng.

Hỏi: Tại sao trong ba mươi hai Lược giới ở trước không luận mười một tướng, trong đây thì lấy mười một tướng nhiếp thuộc ba mươi hai giới?

Đáp: Trong ba mươi hai Lược giới ở trước, lấy sáu Ba-la-mật nhiếp riêng nó, cho nên không lấy mười một tướng để nhiếp thuộc nó. Hiện tại mười một tướng này, mỗi mỗi tướng đều có đủ sáu Độ, không đồng với ba mươi hai Lược giới trước, nghĩa của ba mươi hai Lược giới thì hẹp, nghĩa trong đây thì rộng.

Luận ghi: “Không có Vô dư phạm”, Vô dư, là Ba-la-di, vì không có dư thừa, vì tội là cùng cực, cho nên Thanh văn giới này hoặc Bồ-tát giới không có Vô dư phạm tội này.

BẢN LUẬN 42**PHẨM GIỚI THỨ MƯỜI TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT.**

Luận: Trong giải thích Toại cầu giới, nói: Giới này có tám loại:

1. Đoạn mạng.
2. Không cho không nhận.
3. Dục tà hạnh. Đây tức là ba hạnh hư vọng của thân nghiệp.
4. Ly gián ngữ.
5. Thô ác ngữ.
6. Ý ngữ.
7. Vọng ngữ. Đây tức là bốn tội của khẩu nghiệp.
8. Hợp chung bảy loại trên dùng tay chân v.v... mà làm hại là loại giới thứ tám.

Hỏi: Trong đây tại sao không luận ba nghiệp của ý?

Đáp: Nếu lấy ba nghiệp của ý, xét với bảy nghiệp của thân khẩu là mười loại, nếu nói mười loại thì không thành Tăng số môn, do đó không lấy. Nhất thiết chủng môn trước có sáu Chủng môn, bảy Chủng môn, Lạc của hai đời sau có chín Chủng môn, hiện tại Toại cầu giới này dựa vào trên đến đây để tăng làm tám loại, không lấy ba ý nghiệp sau để thành mười loại. Lại nữa, bảy Sở phát thân khẩu trước không là ba Năng phát của ý nghiệp, có thể phát thân khẩu thì chắc chắn do ba nghiệp sau, cho nên không luận.

Hỏi: Nếu như thế thì lẽ nào không có khởi riêng ba loại sau?

Đáp: Tuy có ẩn không nói, nhưng nhiếp trong Năng phát bảy loại trước, cho nên không nói.

Luận ghi: “Trong Lạc của hai đời có chín loại”, tức là Giá chỉ, Khai hứa, Nhiếp thọ, Điều phục là bốn loại, không lấy hai nghiệp thân khẩu, cùng với năm Độ, không luận giới độ, vì chín loại này tức là Giới độ.

Luận: Mười loại tướng trong Thanh tịnh giới, như Địa trì. Trong đây là tướng thứ hai, luận kia thì khai làm hai tướng, Thái trầm làm một, Thái cử làm một, nhiếp Quỹ tắc thứ sáu này và Tịnh mạng thứ bảy làm một, thật ra Quỹ tắc và Tịnh mạng nghĩa không nhau, không thể làm một, nghĩa của Thái trầm và Thái cử v.v... không thể làm hai loại, luận kia đều lầm. Thái cử giới trong tướng thứ hai này, nói: “Phi xứ”, là trì giới thái quá, tức là trì Phi xứ, chỗ Khả trì thì gọi là Xứ, vượt qua Khả trì này là Bất khả trì xứ, gọi là Phi xứ, hoặc Thái cử vượt quá thì đây là Chí phi xứ, có thể sinh hối hận tầm quý. Trong tướng thứ tư, “năm chỉ

Bất phóng dật”, là quyển trước nói năm loại Bất phóng dật, là “ba đời và thời gian trước đối với thời gian sau”, cho đến “Câu hành bất phóng dật”, như trước đã nói.

Luận ghi: “Chỉ có tịnh giới của Bồ-tát như vậy”, là chín loại trước cho đến “Thanh tịnh giới chỉ có tịnh giới thắng lợi như vậy”, là sau khi thanh tịnh, là giải thích Thi-la tạng này. “Đắc đại Bồ-đề, đạt được năm loại lợi ích thù thắng v.v... chỉ có Sở tác của tịnh giới như vậy”, là kế trước thuyết minh ba Sự sở tác, là An, Thực pháp và Lợi sinh v.v...

PHẨM NHÃN

Trong đây rộng thuyết minh thứ tự v.v... có thể biết.

Luận: Trong Tự tánh nhãn, nói: “Biến khắp đối với tất cả đều có thể kham nhãn, rộng đối với tất cả đều có thể kham nhãn”, dọc thông ba cõi gọi là Biến nhãn, ngang suốt bốn loài gọi là Phổ nhãn. Lại nữa, tổng thông hữu tình gọi là Biến nhãn, Nhãn thông cả oan thân gọi là Phổ nhãn. “Như vậy vô lượng phân biệt do tâm Vô nhiễm thuần bi mẫn”, là Y tha trì, tâm Vô nhiễm tức là Vô tham, vì Nhãn nương vào Vô tham và Bi tâm mới nhãn được, khiến cho không có Nhiễm tâm, Nhiễm tâm tức là Tham cũng được, là Sân cũng được.

Luận: Trong giải thích năm tướng, tướng Vô thường thứ ba nói: “Các hữu, hữu tình, hoặc sinh hoặc trưởng”.

Hỏi: Hai thứ “cũng được” này có khác nhau không?

Đáp: Sinh tức là Hóa sinh, tăng lớn nhanh chóng. Trưởng là ba loại Sinh còn lại, tăng trưởng dần dần.

Luận: Trong giải thích Oan hại nhãn tám Khổ, nói: “Thứ nhất Y chỉ xứ khổ”, Y là bốn thứ nương tựa: y phần tạo, thường khát thực, ngồi nơi mồ mả hoặc dưới gốc cây, bệnh thì nhờ thầy thuốc cũ v.v...

Luận: Trong giải thích Thế pháp khổ, nói: “Lược có chín loại”, trong đây bốn loại trước là bốn pháp của tám Khổ thế gian, vì duyên hợp trái nghịch cho nên khổ; năm loại sau là Ái pháp ly cho nên sinh Khổ. Tám pháp của thế gian, hai pháp đầu là thân, lấy pháp Tài vinh nhuận cho thân mình làm lợi, khiến trừ trói buộc v.v... gọi là suy; kế đó bốn pháp của khẩu, đang khi thiện mà luận thì gọi là Xưng, được ác mà bàn thì gọi là Cơ, gặp thiện mà khen thì gọi là Dự, gặp ác mà chê thì gọi là Huỷ; hai ý pháp sau cùng tức là Khổ và Lạc, có thể biết rồi. “Trong đây chỉ luận về bốn tướng Suy v.v..., không luận bốn tướng Lợi v.v...”, Lợi v.v... là bốn thứ đáng mừng, vì không phải là Khổ tướng. “Không nói Hoại pháp hoại”, lại là pháp tánh của các Dục là Hoại pháp, nhưng đến khi hoại thì gọi là Hoại pháp hoại. “Tận pháp tận”, là pháp thể của các Dục, đến khi dứt hết không còn thì là Tận. Hoại pháp hoại trước là Hữu chất, Tận pháp tận này là Vô chất. Lão pháp lão v.v... căn cứ theo đó mà biết.

Hỏi: Nếu như thế thì Tận pháp tận cùng với Tử pháp tử, Hoại pháp hoại cùng với Bệnh pháp bệnh đâu có khác gì?

Đáp: Có nghĩa một là Ngoại pháp và một là Nội pháp, cho nên khác nhau.

Luận ghi: “Lợi tha ở trong Khổ, là hàng Bồ-tát tu mười một loại sự nghiệp lợi ích hữu tình, nên biết như trước”, là mười một loại sự Trợ bạn v.v...

Luận: Trong giải thích Nhất thiết chủng nhãn, nói: “Sáu chủng và bảy chủng tổng làm mười ba chủng”.

Hỏi: Những gì là sáu chủng?

Đáp:

1. Không ưa Dị thực kinh sợ mà sinh là Nhẫn.
2. Thương xót chư hữu tình thân thiện mà hành là Nhẫn.
3. Đối với quả Vô thượng khởi dũng mãnh tâm viên mãn là Nhẫn độ mà có thể hành là Nhẫn.
4. Xuất gia thọ pháp là Nhẫn.
5. Trước đã tập quen, nay an trụ là Nhẫn.
6. Biết pháp trái ngược với tình là Nhẫn.

Cho nên gọi là sáu chủng. Như trong luận Xuất Gia Nhẫn ghi: “Do pháp thọ”, là vì muốn thọ pháp cho nên Nhẫn chánh hạnh.

Hỏi: Thế nào là bảy chủng?

Đáp:

1. Không nhiều ích nhãn.
2. Từ tất cả nhãn, tức là An thọ nhãn.
3. Tất cả xứ nhãn.
4. Tất cả thời nhãn.
5. Thân nhãn.
6. Ngữ nhãn.
7. Ý nhãn.

Cho nên làm bảy loại.

Luận: Trong Lạc nhãn của đời này đời khác, có chín loại:

1. Đối với thiện có thể nhẫn.
2. Đối với nóng lạnh có thể nhẫn.
3. Đối với đói khát có thể nhẫn.
4. Đối với muối mòng có thể nhẫn.
5. Đối với nắng gió có thể nhẫn.
6. Đối với rắn rít có thể nhẫn.
7. Đối với thân thể nhọc mệt có thể nhẫn.
8. Đối với tâm mệt nhọc có thể nhẫn.
9. Đối với sinh già v.v... có thể nhẫn.

Từ câu “Tự thân hiện pháp lạc” trở xuống, giải thích công năng của các Nhẫn trên.

Luận: Giải thích Thanh tịnh nhãn có mười loại, nói: “Như Địa trì, một, hai v.v... cho đến có mười số, là:

1. Không báo đáp lại nhãn.
 2. Ý không giận dữ nhãn.
 3. Không có tương tục oán hiềm hiện tiền nhãn.
 4. Một nhiều ích không phải độ nhiều ích xả sinh mà không lợi ích nhãn.
 5. Tự mình đến tạ oán nhãn.
 6. Người khác tạ liền nhận nhãn.
 7. Việc không kham nổi mà thanh đở thẹn nhãn.
 8. Cung kính đại sư nhãn.
 9. Thương xót chúng sinh nhãn,
 10. Đoạn được tất cả nhãn.
- Như luận căn cứ theo đó mà phối hợp.

PHẨM TINH TẤN

Trong đây là rộng thuyết minh.

Luận: Trong giải thích Thiện pháp tinh tấn, nói: “Tất cả phân biệt, chủng chủng phân biệt”, như Chủng chủng phân biệt của Đối Pháp, là mười Tấn động; Tất cả phân biệt tức là Tấn động, kể trước đã giải thích.

Luận: Trong giải thích tất cả Chủng tinh tấn, nói: “Trong sáu chủng Vô động tinh tấn cũng không chuyển thành các tánh phần khác”, là Bồ-tát chỉ có Xúc khổ và Xúc bất Thoái, cũng không Thoái nhập vào tánh phần của Nhị thừa, cho nên nói: “Hữu thể, Hữu cần v.v... sáu loại, thuộc sáu loại ở trước”, là Hữu kiên và Hữu mãnh, tham cứu bốn loại còn lại, có sáu loại. Trong bảy chủng, nói: “Như diệt đầu nhiên”, nhiên là lửa cháy, là phải mau mau như cứu lửa cháy đầu.

Luận: Trong giải thích Thanh tịnh tinh tấn có mười loại, trong Quán tập tinh tấn thứ hai ghi: “Hoặc hàng Bồ-tát không phải chỉ thành thực Thử nghiệp sơ nghiệp”, Thử nghiệp sơ nghiệp tức là Sơ phát tâm, chính là Ngũ đình tâm quán đã nói trong phần trước.

BẢN LUẬN 43
PHẨM TĨNH LỰ THỨ MƯỜI BA TRONG
TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT

Luận: Trong giải thích Tự tánh tĩnh lực, nói: “Hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na”.

Hỏi: Tại sao ở đây nói Tỳ-bát-xá-na?

Đáp: Sư Cảnh nói: “Hôn trầm và Trạo cử”, là có ý lấy Xa-ma-tha. Lại nữa, Nghĩa nói: “Trong đây không đúng, trong luận này đều là Hữu phẩm mà nói, nếu khi ở tại Định, trong đồng thời không phải không có Tuệ và các tâm tâm pháp khác v.v... Nếu khi ở tại Quán phẩm không phải không có Định và các tâm tâm pháp khác v.v... nhưng theo tăng thêm mà nói là Định phẩm và Quán phẩm”, thật ra thì lúc đó là hàng Định tuệ v.v... Câu của nó đã như thế, thì Câu đồng thời và Câu đồng thời không phải cũng vậy.

Luận: Trong giải thích mười một tướng, nói: “Các sự nghiệp kia cùng với Tác trợ bạn v.v...”, cho đến “làm vật hiện thông, khủng bố, dẫn nhiếp”, trong đây đồng với trước trong giải thích lược mười một tướng của giới, vì Sự nghiệp và Trợ bạn có thể làm Cứu khổ, hợp chung làm tướng thứ nhất, cho nên tướng thứ mười và tướng thứ mười một khác nhau, tướng thứ mười là Điều phục, tướng thứ mười một là Hiện thông, cho nên cùng với mười một tướng của Lược giới đồng nhau, như quyển 41 và 42 mà hiểu.

Luận: Trong giải thích Nan hành tĩnh lực, có ba loại Nan hành: Nan hành thứ nhất là Bồ-tát đã đắc Tĩnh lực dẫn phát thần thông cực thiện thành tựu, phải sinh cõi trên làm lợi ích hữu tình, rồi sinh trở lại cõi Dục, đó là Nan hành, là ý trong đây.

Luận: Tĩnh lực của Thiện sĩ có năm loại: một là Vô ái vị tĩnh lực, là Hữu lậu tịnh và Vô lậu tĩnh lực. Hoặc Hậu đắc trí chỉ lấy Vô lậu, là căn cứ theo thù thắng mà nói.

Luận: Trong giải thích sáu chủng của nhất thiết chủng Tĩnh lực, nói: “Hai là Vô ký tĩnh lực”, là Bồ-tát hoặc mừng vui mà hiện thần thông, thì đây chỉ có Vô ký; hoặc nhiếp người khác mà hiện thần thông, thì đây chỉ là Thiện, như văn của Tạp Tập luận. Phẩm Tỳ-bát-xá-na như quyển 1 trong giải thích bảy loại Tĩnh lực. Bất tín nhiều ích tĩnh lực, đây là bảy môn thuyết minh nghĩa cho nên không lấy, nếu lấy thì thành tám loại. Lại nữa, chỉ có Tự loại môn cho nên không lấy, sáu loại trước thông với hai lợi cho nên lấy, trong những loại này đáng lẽ lấy ba loại

Tĩnh lực, là Hiện pháp lạc trụ v.v... mà nhiếp nó.

Luận: Trong Thanh tịnh tĩnh lực có mười loại, trong loại thứ bảy nói: “Xả Tĩnh lực rồi trở lại chứng nhập Tự tại tịnh tĩnh lực”.

Hỏi: Loại thứ bảy này cùng với loại thứ sáu có gì khác?

Đáp: Loại thứ sáu thuận với Tự tại của nhập trụ xuất, loại thứ bảy thì nghịch với loại Tự tại của nhập trụ xuất, cho nên có khác nhau, do đó luận nói: “Xả Tĩnh lực rồi trở lại chứng nhập”.

PHẨM TUỆ

Trước đã thuyết minh phẩm Định, tâm chuyên một cảnh, vì chuyên một cảnh mà Tuệ được chiếu sáng, cho nên tiếp theo phân tích Tuệ, trong đây rộng thuyết minh cho nên gọi là phẩm Tuệ.

Luận: Trong giải thích tự tánh, nói: “Có thể ngộ nhập tất cả Sở tri”, tức là Vô phân biệt trí. “Và đã ngộ nhập tất cả Sở tri để chọn lựa các pháp”, tức là Hậu đắc trí.

Luận: Trong giải thích thế gian Tuệ và xuất thế gian Tuệ của tất cả Tuệ, có ba loại. Tuệ thứ nhất nói: “Hoặc người đối với Chân đế sắp sửa giác ngộ”, đây là Gia hạnh trí của Chánh trí, như tâm thọ Trần cũng không có ngôn thuyết phân biệt, nếu lấy Lộ và Vô lộ tương đối, thì Lộ gọi là Phân biệt, luận này có nghĩa này; nếu lấy Vô lộ gọi là Phân biệt thì luận này không có nghĩa này, hoặc Vô lộ gia hạnh trí cũng là Trí này. “Hoặc khi Chân đế giác ngộ”, đây là Vô phân biệt trí. “Hoặc tất cả Diệu trí sau khi đã ngộ rồi”, là Hậu đắc trí. “Tối thắng tịch tĩnh minh liễu hiện tiền không có Phân biệt” trở xuống, là thuyết minh hành tướng của ba Tuệ ở trước. “Nhập đại tổng tướng”, Chân như là Tổng tướng, lại cũng Vô ngã là Tổng tướng.

Hỏi: Tại sao luận này nói Hữu lộ gia hạnh trí?

Đáp: Trước đã thuyết minh thế gian và xuất thế gian có ba loại Tuệ, trong đó thông với Hữu lộ gia hạnh trí, trong Tuệ thứ hai hoặc là Chân hành tướng thì chỉ có Vô lộ Hậu đắc trí, nếu nói chung chung thì chủng loại Hậu đắc trí của Hữu lộ cũng có, nếu căn cứ theo tánh mà nói, thì cũng như nghĩa của ba Giải thoát môn, nói Vô phân biệt cũng có, luận này lấy chung Hữu lộ vô lộ là tốt, như Gia hạnh trí ở trước thì khó giải thích. Nói rằng: “Tám Xứ”, là năm Minh xứ làm năm Xứ, ba tánh pháp làm ba Xứ, thượng phẩm và hạ phẩm của Tuệ này, đều lấy ba Trí của Gia hạnh, hãy phối hợp nhiếp nó.

Luận: Giải thích Nhất thiết môn tuệ có bốn loại:

1. Văn sở thành, tức là lấy đồng thời tâm tâm pháp v.v... vì có hai chữ Sở thành.

2. Tư sở thành.

3. Việc đáng làm thì làm, đáng không làm thì Tư tuệ .

4. Tam-ma-tư-đa tuệ.

Luận: Trong giải thích Thiện sĩ tuệ có năm loại, “loại thứ tư là Thiện quyết định tuệ trong các pháp, Pháp trụ, Pháp an lập, Vô điên đảo”, là Nhân quả trí của các pháp. Pháp là Quả pháp, vì Quả pháp

trụ trong Nhân pháp, cho nên nói Pháp trụ, các pháp còn lại là Tuệ duyên lý, gọi là Như sở hữu duyên như trước, ý vẫn chưa hết. Loại thứ ba là Câu sinh tuệ, là chỗ tập quen trước kia, khiến cho cùng sinh với thần thông, là Túc mạng trí v.v... như trong thần thông ở trước đã phân tích. Cụ giáo tuệ, là Bồ-tát địa tiền chưa gọi là đắc. Hoặc nói Cận địa thượng, tại sao nói đã nhập chỗ nghe của Bồ-tát đại địa? Nói rằng thứ năm là Nhập địa. Như văn v.v...

Luận: Trong giải thích Nhất thiết chủng trí, có sáu loại như văn, tại sao không nói các Trí khác? Đây là lấy sáu môn mà tác pháp, nếu lấy các Trí khác thì số tăng, cho nên không nói. Lại nữa, Nhân quả môn, bốn Trí trong Nhân nhiếp hết các trí, hai Trí của Quả trí nhiếp hết các trí. Lại nữa, Nhân vị phông theo Đế thì chỉ có bốn Hạnh trí, Quả vị thì luận chung, cho nên căn cứ theo hai Trí nhiếp mà nói Trí tận. Bảy loại Trí, trước đã không thuyết minh là lấy nó. Tướng trí tức là Tận trí, là Hạnh trí trước mười Lực, tức là Vô sinh. Nếu như thế thì tại sao bốn Đế trí trước luận này không lấy? Có người cho rằng: “Tướng trí tức là duyên ba mươi hai Tướng trí, là Hạnh trí trước mười Lực, tức là khi muốn khởi mười Lực, trí của Phương tiện”. Hiện tại luận này giải thích rằng: “Nếu thật tế mà luận thì hai thứ Pháp trí và Loại trí tức là bốn Đế trí”. Hiện tại lấy mười Trí mỗi mỗi tướng mà luận riêng, tức là không phải bốn Đế trước, các trí khác có thể biết. Tướng trí, là Trí duyên các Pháp tướng, hoặc là Trí duyên Thể tướng của tất cả pháp, gọi là Tướng trí. Hạnh trí trước mười Lực, tức là khi mười Lực trí khởi Phương tiện trí ở trước.

Luận: Trong giải thích hai Thế lạc có chín loại, năm Minh xứ là năm, Nội minh thuyết minh một loại, Tuệ sở hành, Tuệ sở chứng, Tuệ sở vi của Bồ-tát là Thiện an trụ, bốn loại còn lại thì không như vậy, không phải Sở an trụ, lấy Hậu ngu si là một, Phóng dật là hai, Khiếp nhược là ba, Tu chánh hạnh là bốn, hợp chung năm loại trên là chín, như trong thứ tự của nó mà thị hiện, khiến cho người ngu sinh tín tôn kính, khiến cho người phóng dật siêng tu, người tự khiếp nhược không thể tu, thì khen ngợi khuyến khích khiến cho phát nguyện phu kia, ta là trượng phu v.v... là mừng và an ủi người siêng tu.

Luận: Giải thích Thanh tịnh tuệ có mười loại, “như tất cả chỗ có đều lấy Chân thật nghĩa, đều là pháp”, văn của các luận khác và Đối Pháp luận, Duyên lý là như Duyên sự, là Tận. Văn của luận này chỉ phông theo trên Nhất như mà lập, hoặc tự tánh duyên Nhất vị Chân như là như Sở hữu tánh, hoặc mười sáu Hành duyên Sai biệt chân như,

là Tận sở hữu tánh, Nhân làm một, Quả làm một, Lưu chuyển làm hai, sinh tử Lưu chuyển tuệ chấp đảo của Thường v.v... làm một, chấp Bất đảo của Vô thường v.v... làm một, chấp thọ có hai, Phương tiện có hai, căn cứ theo đó mà biết. “Trong Cửu cánh có hai”. Hỏi: Cùng với Đảo có khác gì? Đáp: Luận kia chỉ phỏng theo bốn Đảo, luận này phỏng theo tất cả các Hoặc.

Luận: Như trong giới ở trước, “Thẩm tuệ khai làm năm, cũng có giải thích phương hại này, tương tự trong Thắng đức của sáu Độ là Đại bạch pháp mênh mông”, rất là lớn trong tất cả Bạch pháp, cho nên gọi là biển Đại bạch pháp, tất cả Bạch pháp đều nhiếp nhập trong đó, không lìa sáu Độ này. Ao suối đại bảo này vọt sinh công đức vô cùng vô tận.

PHẨM NHIẾP SỰ

Hạnh tự lợi nhiếp tự lợi của sáu Độ trước, vì Vô lậu phải có lợi người, cho nên tiếp theo là thuyết minh phẩm Nhiếp. Nhiếp là Nhiếp thọ, Nhiếp thọ hữu tình, trong đây rộng thuyết minh gọi là phẩm Nhiếp, trong Bồ thí trước đã thuyết minh Thí nhiếp xong, trong đây chỉ thuyết minh ba phẩm Nhiếp sự.

Hỏi: Nếu như thế thì ba Nhiếp sự lấy Tuệ làm Thế, tại sao lại phải thuyết minh?

Đáp: Không phải như vậy, một Bồ thí nhiếp trước đã thuyết minh, ba Nhiếp sự tuy là Tuệ nhiếp nhưng trước chưa thuyết minh rộng, cho nên hiện tại các Ngũ phân tích trong tự tánh, Khả ý ngữ, Bất ly gián, Đế ngữ là Bất vọng ngữ, Pháp ngữ, Bất thô ngữ, Dẫn nhiếp nghĩa ngữ, Bất ý ngữ, lại cũng chưa cần thiết phối hợp nó, đồng thời mỗi mỗi đều có bốn Nhiếp này

Luận: Giải thích Nan hành ngữ có ba loại: Thứ nhất là lấy Năng sát nhất thiết nhân, tức là oan gia và bạn ác, có thể nhiếp lợi ích cho những người đó, các loại còn lại có thể biết.

Luận: Trong giải thích Nhất thiết môn, Ngũ có bốn loại: Thứ nhất là khiến cho nhập Phật pháp, trước hết thuyết Ngũ đình tâm quán, là pháp nên làm đầu tiên. Thứ hai là người đã nhập pháp rồi. Các loại còn lại có thể biết.

Luận: Trong Thiện sĩ ngữ có năm loại: Thứ nhất là Tỳ-nại-da nhân theo sự mà chế ra giới. Thứ ba là bốn Y, là Khất thực, phần tảo y, ngồi dưới gốc cây, tất cả tu Thiện v.v... các loại còn lại có thể biết.

Luận: Giải thích sáu loại và bảy loại Nhất thiết chủng ngữ, bốn loại sau trong sáu loại, lấy bốn để phân tích và phối hợp thứ tự.

Luận: Trong giải thích Toại cầu có tám loại, nói không lấy bốn Tịnh, chỉ lấy Kiến sau có tám loại.

Luận: Trong giải thích hai Thế lạc có chín loại, loại thứ tư nói: “Tịnh giới là khó”, là ngoại đạo chấp giới của tự mình làm Tịnh giới. Kiến thứ năm cũng vậy, có tám Quý tặc, như Thanh văn địa. “Thanh tịnh hạnh ngữ có hai mươi loại”, là phẩm Lực chủng tánh trước có hai loại, một loại có mười lăm tướng, một loại có năm tướng, hợp chung là hai mươi loại. Luận kia cũng như luận này v.v...

Luận: Tất cả Lợi hành lại do ba môn, thứ nhất trong Hiện pháp lợi khuyến khích chỉ dẫn Lợi hành, nói: “Lấy pháp nghiệp đức chiêu cảm Tập thủ hộ v.v...”, pháp là Như pháp, không lấy tà mạng mà được tài;

ngiệp là nghiệp của thương chủ v.v... mà được tài; đức là đạo đức, có đức cho nên được tài, chính là người khác cúng dường.

Luận: Trong Nhất thiết chủng, hoặc sáu chủng và bảy chủng tổng là mười ba chủng. Nói bảy chủng gồm:

1. Y theo Xuất ly của Nhị thừa, sư Viễn nói:: “Đó là Văn tuệ”, lấy sự trưởng dưỡng của Tài v.v... mà nhiếp nhập Văn tuệ.

2. Viễn ly là Tư tuệ .

3. Chỉ.

4. Quán.

5. Xả.

Còn lại hai Chủng là hai căn Đại và Tiểu khác nhau.

Luận này căn cứ không phải như vậy:

1. Y theo Xuất ly của Nhị thừa, tức là y theo giáo của Nhị thừa để làm phương tiện khiến cho xuất ly, đây là phỏng theo một phần thiện xảo của Nhất thừa.

2. Viễn ly, hoặc là viễn ly một phần Hoặc v.v... cũng là tổng mong xa lìa Hoặc v.v... của Tự thừa.

3. Hoặc là đối với Tâm nhất cảnh tánh mà đắc Định.

4. Thanh tịnh các Chương mà đắc Tuệ. Viễn ly ở trước là nói lìa Hoặc, không phải nói đắc huệ tài v.v...

5. Tu tập tác ý, chính là yên chỗ, là Tác ý trong Tu đạo, hoặc tất cả Tác ý mà ở chỗ an ổn.

6. và 7. Là đã hiện yên chỗ rồi mà đắc quả Tự thừa.

Luận: Trong Toại cầu, “tại sao chỉ có tám loại này”? Là vì chương Tam học v.v... cho nên không có hai thứ Tàm và Quý; Chương giới, là hai thứ Hôn trầm và Thủy miên; chương Định hoặc Tuệ, là hai thứ Trạo cử và Ố tác; Chương Tuệ hoặc Định, là hai thứ Tật và Xan, đó là tổng chương Tam học, cho nên không nói nhiều hơn, hoặc có thể là tám Triền, trong đây chưa xem xét.

Luận: Trong hai Thế lạc có tám thứ, uống rượu là thân lỗi, thân lỗi có bốn thứ, khẩu lỗi có bốn thứ, ý lỗi là một thứ. Tốt-la cũng là rượu gạo. Mê-nghẽ-tà, là rượu trái cây. Vị-đà, là rượu đào.

Luận: Thanh tịnh có mười loại, trong ngoại đạo có năm loại: Thứ nhất là Tiên ác hạnh, nghĩa là lấy ác làm đầu mà phần nhiều làm ác, hoặc người trước kia tạo ác rồi liền tạo thiện, hoặc trước kia đến nay đã tạo ác. Thứ hai là Bất chuyển lợi hành là không chuyển Phật pháp khiến cho nhập vào tà, không phải không trói buộc tà mà ở gần Đạo, nếu như thế thì phải cùng với văn của luận này trái nhau. Thứ năm,

lại nữa, hàng Bồ-tát đối với chư hữu tình, hoặc đối với các Thiện pháp phẩm v.v... của Tự nghĩa, trong đây có ý nói, nếu có hữu tình tuy Tự thừa pháp Tam phẩm thiện quả pháp, người đáng khuyến khích chỉ dẫn thì khuyến khích chỉ dẫn, hoặc nhập Tự thừa rồi trở về sau mà khuyến khích chỉ dẫn.

Luận: Trong Tổng kết, đoạn thứ ba nói: “Do ba nhân duyên đắc Thiện thanh tịnh”, Đáo cứu cánh địa là một, tức là Địa thứ mười; hoặc hệ thuộc một đời là hai, tức là Trụ thiên; Tối hậu hữu là ba, tức là đã hại Sinh thân.

Luận: Trong Đắc quả trước tổng kết v.v... “chỉ thuyết minh tám loại sau, không luận tự tánh đắc quả”, vì tự tánh môn không lìa tám môn sau cho nên không nói.

Hỏi: Nếu như thế thì như trên đến đây, đều gọi là môn thứ hai, tất cả sau đó mới còn lại bảy, là sai biệt của luận này. Hoặc không lìa cho nên không nói, như thế thì đáng lẽ không nói chỗ chiêu cảm quả của môn thứ hai?

Đáp: Không phải như vậy, thứ nhất là tự tánh, thứ hai là Sai biệt chiêu cảm quả. Tự tánh thì không nói, trong chiêu cảm quả này phỏng theo tương tự, không phải khắc phục Thể chiêu cảm chung làm một, mà tự nó làm các quả nhân môn.

Luận: Trong giải thích Nan hành chiêu cảm quả, nói: “Chiêu cảm pháp hy hữu lạ kỳ”, pháp hy hữu lạ kỳ là Thánh giáo, hoặc pháp thần thông hy hữu lạ kỳ.

Luận: Trong Thanh tịnh quả, nói: “Bốn Tịnh”, là Sở y tịnh, Thần túc làm Sở y, thủ trụ xả tự tại, tức là kéo dài mạng ngắn. Cảnh giới tịnh, tức là biến hóa khởi ba loại Tự tại. Tâm thanh tịnh tức là một sát-na nhập vô lượng Định. Trí thanh tịnh, tức là trong một chữ mà thuyết tất cả pháp, như Đối Pháp quyển 14 giải thích: “Hoặc Sở y v.v...”. Như trong hai mươi hai công đức phân tích: “Công đức này cũng có thể chiêu cảm quả thuận sinh tử lưu chuyển”, là hoặc Vô lậu hạnh mong Hữu lậu quả làm Tăng thượng duyên để trợ giúp chiêu cảm; hoặc Hữu lậu hạnh mong Hữu lậu quả, thì đó là chánh chiêu cảm.

BẢN LUẬN 44
PHẨM CÚNG DƯƠNG THÂN CẬN VÔ LƯỢNG THỨ MƯỜI SÁU
TRONG TRÌ DU-GIÀ XỨ THỨ NHẤT.

Từ trên đến đây đã tự phân tích, tuy tự lợi lợi tha chưa thuyết minh cúng dường Tam bảo, nhưng tiếp theo đây sẽ phân tích, tức là hạnh tạo tu, cúng dường Tam bảo, thân cận Thiện hữu, tu tập Vô lượng, trong đây rộng thuyết minh, nhân đó mà nêu ra tên, lược bỏ Tu vô lượng.

Luận ghi: “Thiết-lợi-la cúng dường”, theo Cựu luận nói Thân cúng dường thì không phải, Ca-da là thân, Thiết-lợi-la là Thể, tức là Thể pháp thân của Phật. Trong đoạn dưới tuy nói cúng dường Sắc thân, nhưng ý cúng dường Chân Phật pháp thân, cho nên nói là Thể, cho nên nói pháp Tánh tuệ của Chế-đa v.v... Pháp tánh tuệ, tức là Chân như. Chế-đa là Cúng dường, tức là tháp Phật và Linh miếu. Tốt-đổ-ba là Cao thẳng, Chế-đa nói là Tháp.

Luận: Trong giải thích rộng đại cúng dường, có bảy loại tên, hoặc là Đa cúng dường tức là phụng hành đối với Vô tận tài, hoặc thứ ba là Diệu cúng dường. Lại nữa, ngay như chỗ trình bày Tài kính cúng dường trên, đó là tổng, tổng nói như các vật trên, hoặc thứ nhất là Đa cúng dường, thứ hai là Diệu cúng dường, cho đến Thuần tịnh tâm, Mãnh lợi thắng giải là bảy loại tên. Sư Viễn nói:: “Hoặc hàng Bồ-tát đối với việc làm của Như Lai là một, việc làm của Chế-đa là hai, cho đến Tài cúng dường, Đa cúng dường và Diệu cúng dường v.v... là ba, Hiện tiền là bốn, Bất hiện tiền là năm, Tự tác là sáu, Tha tác là bảy”. Hoặc từ Thuần tịnh tâm trở xuống, giải thích Phát tâm ở trên, ý nghĩa có ngăn ngại, ý văn cũng có trái nhau. Thế nào là bảy loại? Trong đây thuyết minh quảng đại, ý tại tâm cúng dường và Vật cúng dường, “Tự tâm Bồ-đề nắm lấy Như Lai chế-đa” là không đúng, vì Cảnh bị cúng dường thì các sư đều đồng luận này. Hiện tại Đại sư y theo giải thích thứ hai, lấy Đa cúng dường làm tên thứ nhất, Tài và Diệu cúng dường làm tên thứ hai, cho đến Thuần tịnh tâm làm tên thứ bảy.

Luận: Không bôi xoá được câu nói chính nó, không tỉnh lại để tẩy rửa, là nói chính câu bản của nó; Cục-quật-la hương là nói hương khí hôi hám; Át-ca hoa là nói hoa hôi héo, ở Trung Quốc không có cho nên không phiên dịch.

Luận: Vô nhiễm cúng dường có sáu loại, vì có năm chữ “cúng dường” làm năm loại, trong chữ “cúng dường” thứ ba thì phân làm hai loại, một là không khinh khi mà quăng bỏ, là không quăng bỏ vật cúng

dường, hai là không quảng rải không tạp nhiễm, cho nên có sáu loại. Trong đây thì sư Viễn hoàn toàn khác.

Luận ghi: “Tu Vô thường tướng, Khổ tướng, Vô ngã tướng”, đây là ba pháp giả lập. Không nói “Không”, tức là đồng với Vô ngã cho nên không nói. Lại nữa, luận ghi: “Đối với Niết-bàn đó mà tu Thắng lợi tướng”, là câu này để đọc tụng, nói thường đọc tụng Già-tha là bài tụng; Ổ-đà-nam là tóm lấy để thí ra, đây là nói Niết-bàn tu Thắng lợi tướng, tức là Thường tụng.

Luận ghi: “Như khi hoa Ưu-đàm-bát mới xuất hiện”, là ở Ấn Độ có loài cây thường không ra hoa, chỉ sinh ở giữa những nhánh tẻ, hoặc Luân vương ra đời mới bắt đầu sinh hoa, trước kia gọi là Ưu-đàm-bát hoa.

Luận ghi: “Bốn là đối với Thiện hữu hoặc chánh y chỉ đối với nghĩa của Như pháp, hoặc hợp hoặc ly, tùy tự tại mà chuyển”, là chỗ thuyết pháp của Y chỉ sư nếu đồng với Cự luận thì gọi là Hợp, nếu riêng khác thì gọi là Ly, hoặc y theo kinh luận v.v... mà Hợp v.v... hoặc nêu riêng gồm cả kiến giải, không y theo kinh luận thì gọi là Ly, kiến giải uyển chuyển Như pháp, tùy tự tại mà không khuynh động. Lại nữa, tự tánh gọi là Hợp, Sai biệt gọi là Ly. Lại nữa, Hợp tức là khiến cho nghĩa này phù hợp nhau, như Hợp v.v... trong Nhân minh; hoặc Ly, tức là khiến cho nghĩa này khác nhau, như Ly v.v... trong Nhân minh.

Luận: Giải thích bốn Vô lượng, Từ thì Vô ngại thiện căn làm tánh, Bi thì Vô sân thiện căn làm tánh, Hỷ cũng Vô tham thiện căn làm tánh, Xả thì như Xả tâm sở. Nếu y theo Tiểu thừa để trừ các Tướng vi hoặc trên cho nên giả thuyết mình là Quán, hiện tại Đại thừa thì lấy ba Cảnh của Sở duyên, thật ra là khởi vô lượng cứu giúp. Ba Cảnh là gì? Rộng như dưới đây phân tích, lại có các giải thích khác, như Đối Pháp sao số. Ba loại Vô lượng lấy gì làm Thể? Hai loại Vô lượng trước thì lấy Hậu đắc trí làm Thể; Vô duyên vô lượng lấy Chánh trí làm Thể. Cảnh giới của nó là hữu tình duyên Vô lượng, nhưng duyên tổng quát hữu tình có khổ mà cứu Khổ ban cho Lạc, không Quán đối với thật hữu tình, vẫn sau cùng với ngoại đạo chung. Pháp duyên vô lượng, là quán hữu tình là Không, chỉ có pháp, tướng không có thật Ngã v.v... mà cứu bạt hữu tình đó, ngoại đạo chấp có Ngã cho nên duyên này là bất cộng, hai loại này đều là Hậu đắc trí, chỗ tạo tác của Đại bi. Vô duyên vô lượng lấy Vô phân biệt trí duyên Chân như, tu Từ là Vô duyên vô lượng.

Hỏi: Tại sao đối với Chân như mà tu Từ?

Đáp: Chân như là Từ căn bản, hữu duyên hoặc vô duyên có

thể khởi Bi cứu độ chúng sinh v.v... nếu không như vậy thì không thể được.

Hỏi: Theo Căn bản mà nói thì lấy Chân như làm Cảnh, có nghĩa là cùng với Hậu đắc trí duyên Chân như làm tướng?

Đáp: Nghĩa này không đúng, vì điều này quá xa xôi.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Nếu theo Căn bản mà nói, tức là Sở hành của Vô phân biệt trí, nếu cứu chúng sinh, tức là duyên Tục trí.

Hỏi: Vì sao lấy Hậu đắc trí?

Đáp: Vì duyên Vô duyên vô lượng như vậy cho nên biết chính là Vô phân biệt trí. Trong Bất quyết trạch sẽ tự phân biệt.

Luận ghi: “Ba Tụ”, là Tà định thứ ba, Vô lượng tuy có bốn loại, nhưng Cảnh có ba loại, một là Vô khổ vô lạc, tức là Cảnh từ, vì Từ có thể ban cho Lạc, Từ không duyên Khổ, vì duyên Khổ là Bi, Cảnh từ không có Khổ, vì người không có Lạc mà ban cho Lạc, cùng với họ mà vui, cho nên không có Khổ lạc là Cảnh từ; không có Khổ, là Cảnh bi; có Lạc là Cảnh hỷ. Tùy theo Hỷ mà người kia Lạc, tức là ba loại Tụ này đối với Cảnh, đến sau sẽ phân tích thêm nữa. Dưới đây trong giải thích Từ bi, tuy không có đoạn văn “không có Cảnh khổ lạc”, nếu như có Cảnh khổ v.v... thì giải thích rằng đó là muốn ban cho Lạc, là đã giải thích xong. Bi bạt Khổ trong đây, cũng duyên cội Vô sắc, vì duyên Hành khổ. Tuy không thể hóa độ, nhưng cũng sau đó có thể hóa độ, vì từ trước đến nay khởi Bi. “Trong Xả vô lượng, thứ tự xa lìa ba Hoặc si, sân, tham,” là chúng sinh Vô khổ vô lạc thì khuyến khích khiến cho lìa Si, chúng sinh Hữu khổ thì khuyến khích khiến cho lìa Sân, chúng sinh Hữu lạc thì khuyến khích khiến cho lìa Tham, khiến cho chúng sinh kia xả bỏ ba Hoặc cho nên gọi là Xả. Lại nữa, tự mình có ba Hoặc này thì tự mình có thể xả, cũng gọi là Xả. Lại nữa, khiến cho chúng sinh lìa Hoặc, đến quả vị của bậc Thánh mới buông xả nó, gọi là Xả. Lại nữa, Oán thân bình đẳng cho nên gọi là Xả, điều này cũng còn phải khiến cho lìa ba Hoặc. Ba Hiện lạc ở trước không phải lợi ích, Xả chỉ có một mà khiến cho lìa ba Hoặc, tương lai thoát Khổ gọi là Lợi ích.

Luận: Trong giải thích Khổ, năm mươi lăm Khổ trước nói: “Si dị thực sinh Khổ, là nếu Thể mãnh lợi thì thọ Sở xúc v.v...”, đây là lúc tráng niên cho nên nói mãnh lợi. Tại sao nói Si dị thực sinh? Vì do Si sinh oán sân, thọ hai Tiễn thọ. Tiễn thọ tức là do Si sinh ra, cho nên nói Si do Dị thực sinh.

Luận: Trong giải thích tăng đến tám môn, nói: “Tự mình bức bách

xan khổ”, là không có quan hệ với ngoại đạo, tức là Ni-kiền tử, treo đầu, chích đùi, nhổ tóc v.v... một loại uy nghi thời gian dài ngồi, nằm, đứng... Sau đó năm mươi lăm Khổ, không lấy Căn bản là chín loại, chỉ lấy các loại khác tùy theo sinh Khổ, trong Môn thứ hai có bốn loại Khổ được thành năm mươi lăm Khổ. Trong “tăng đến mười môn”, là như trước nói Sở trị của năm Lạc có năm loại Khổ:

1. Nhân.
2. Thọ.
3. Khổ Đối trị tập. Luận này nói chỉ có Vô Lạc Khổ.

4. Thọ bất đoạn tập, là Sở trị của nhân, là ác nghiệp trái ngược với thiện nghiệp, căn và Cảnh thuận với Khổ thọ, chỉ một mình nó ngược với Thuận lạc thọ, Nhân khổ có hai Thọ lạc. Luận này ngược lại nói: “Thọ khổ”, tức là Khổ thọ. Thứ ba là ba Khổ đối trị tập, là đối mà được ăn v.v... luận này thì ngược lại là Bất đắc khổ; thứ tư là Thọ đoạn lạc, là nhập Diệt định, luận này thì ngược lại nói: “Vì tại Hữu tâm vị cho nên Khổ”.

5. Xuất ly lạc, tức là Xuất gia lạc, văn dưới nói gia tức là tại gia Khổ. Viễn ly tức là đắc Thiên định của cõi Sắc sơ thiên, viễn ly Kết sử của cõi Dục, vì hiện tại chưa đắc Sơ định của cõi Sắc cho nên có cõi

Dục kết sử khổ của cõi Dục. Tịch tĩnh tức là Định thứ hai, là Tầm và Lạc của Sơ thiên, hiện tại chưa là Sơ thiên cho nên có Tầm khổ. Bồ-đề lạc, tức là ba Bồ-đề, hiện tại đang ở Dị sinh vị cho nên Khổ, cho nên tại gia là cõi Dục kết sử, tâm, Dị sinh và Khổ như thứ tự mà phối hợp, trước tăng đến chín môn. Trong tám môn không nói Khổ, chỉ nói Lợi v.v... có hai loại, tức là Nhân này thuyết minh Khổ, và không thuyết minh Khổ.

Luận: Trong giải thích mười chín Khổ, tám loại Khổ trước, do trong năm mươi Khổ trước đến; mười một Khổ sau, do trong năm mươi lăm Khổ sau đến.

Hỏi: Tại sao thừa nhận Khổ đến, là các Khổ từ cõi dưới đến hay sao?

Đáp: Từ đại chúng lấy làm Cảnh đại bi, căn cứ theo Khổ tăng thượng mà nói. Lại nữa, tùy theo chỗ đến, trong một môn tăng là tự trong đó lấy Cảnh đại bi, xét riêng giải thích của văn trên, không phiên dẫn ra.

Luận: Trong giải thích do bốn Duyên bi gọi là Đại bi, hoặc Bi tại bốn Vô lượng gọi là Bi, không gọi là Đại bi, lại còn cùng chung với Thanh văn. Bồ-tát Sơ địa trở đi cũng có tên Khổ bi, Đại bi chỉ ở tại Phật địa và Địa thứ mười.

Hỏi: Tại sao Sơ địa đến Địa thứ chín không gọi là Địa bi?

Đáp: Do bốn Duyên mới gọi là Đại bi. Bồ-tát ở Địa thứ chín trở về trước tuy có duyên hai nhân duyên Thập thâm hành khổ và Mãnh lợi tác ý, nhưng không có nhân duyên thời gian lâu dài luyện tập và Cực thanh tịnh, cho nên trường thời luyện tập do ba nhân duyên, Cực thanh tịnh cốt yếu là Địa thứ mười, cho nên Bồ-tát ở Địa thứ chín trở lại, không gọi là Đại bi.

Luận ghi: “Tu tập Vô lượng như vậy thì đắc bốn loại Công đức thắng lợi”, là bốn loại Trụ v.v... đắc hiện tại Lạc trụ.

1. Đắc phước đức tư lương.
2. Đối với Bồ-đề ý lạc kiên cố.
3. Vì sinh Nhẫn khổ.
4. (không thấy nói đến).

